# CÁCH MẠNG PHÁP VÀ TÂM LÝ HỌC CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG

Bản quyền tiếng Việt © 2014 Công ty Cổ phần Sách Alpha

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

# Lời nói đầu

Gustave le Bon là một nhà tâm lý học xã hội. Ông sinh ngày 07 tháng năm năm 1841, tại Nogent-le-Rotrou, mất ngày 13 tháng mười hai năm 1931, tại Marne la Coquette, nước Pháp.

Công trình nghiên cứu này được Gustave le Bon viết ra không nhằm chê trách hoặc ca tụng cuộc Cách mạng Pháp, mà là để luận giải nó bằng những phương pháp tâm lý học, mà theo ông, chính các nhà chép sử cũng như các nhà viết sử liên quan đến cuộc Cách mạng này chưa từng thấu hiểu.

Đây là sản phẩm sau cùng của một chuỗi công trình thuộc cùng chủ đề, kết quả của suốt 20 năm nghiên cứu, như Các quan điểm và các tín ngưỡng, Tâm lý học đám đông, Tâm lý học các dân tộc.

Trong tác phẩm này, tác giả đã điểm lại những tư tưởng của các nhà sử học về cuộc Cách mạng Pháp. Theo ông, ngày ấy đang tồn tại những quan điểm, mà thực ra còn mâu thuẫn nhau, về sự kiện mà ông gọi là thảm kịch cách mạng vĩ đại này. Thứ nhất, đó là xem Cách mạng Pháp như là một dạng của tín ngưỡng mà người ta phải chấp nhận hoặc gạt bỏ cả gói; quan niệm thứ hai xem đây như một hiện tượng thần bí không thể giải thích được, và quan niệm thứ ba coi nó như một sự cố không thể phán xét trước khi công bố một số lượng khổng lồ những tài liệu chính thống chưa từng xuất bản.

Cá nhân ông cũng không phải là trung lập. Theo lời phê bình của ngài viện sĩ Émile Ollivier, một chính khách cùng thời với ông, sau khi nhắc lại luận thuyết xem Cách mạng Pháp như một sự cố vô bổ, đã viết:

“... Gustave le Bon vừa đây đã dành cả uy tín của mình cho luận đề này…, ông nói: “Cái lợi thu được với giá của biết bao sự đổ nát sau này người ta đã đạt được, mà không cần phải cố gắng, chỉ nhờ vào tiến trình đơn thuần của sự khai hóa văn minh.”

Đến thời điểm công bố cuốn sách của Gustave le Bon, Cuộc Cách mạng Pháp đã được phân tích bởi nhiều thế hệ các nhà văn và người ta có thể tin rằng nó đã được nghiên cứu một cách hoàn hảo. Nếu cần nói gì thêm thì phải chăng chỉ là sửa đổi vài chi tiết?

Vậy mà đó lại “… chính là những gì khiến những người bảo vệ vững tin nhất của Cách mạng Pháp cũng bắt đầu hết sức do dự trong những xét đoán của mình. Những điều trước kia là hiển nhiên, giờ đây hóa ra lại còn phải bàn cãi. Lòng tin vào những giáo điều vốn được coi là thiêng liêng, nay đang bị lung lay. Các tác phẩm sau cùng viết về Cách mạng Pháp đã tiết lộ những điều không chắc chắn này. Chính vì vậy mà sau khi kể lại lịch sử, ngày càng nhiều người từ chối đưa ra kết luận.”

Theo Gustave le Bon, nguyên nhân sâu xa của tình trạng “không thấu hiểu” này là ở chỗ người ta đã không đi sâu phân tích khía cạnh tâm lý của các tầng lớp xã hội, của quần chúng, của những đám đông, của các thủ lĩnh và các giai tầng có phần can dự trong cuộc cách mạng này. Theo ông, “Lịch sử của cuộc Cách mạng trên thực tế được cấu thành từ cả một loạt những lịch sử song hành và thường độc lập với nhau: lịch sử của một chế độ cũ nát đang tàn lụi do không có những người bảo vệ; lịch sử của những hội đồng cách mạng; lịch sử của những phong trào quần chúng cùng với những thủ lĩnh của họ; lịch sử của những đạo quân; lịch sử của những thiết chế mới, v.v. Tất cả những lịch sử này vốn phần lớn thể hiện sự xung đột của các động lực tâm lý học đều cần phải được nghiên cứu bằng những phương pháp mượn từ khoa tâm lý học. ”

Với nhận thức như vậy, ông kết luận rằng không thể giải thích được cuộc cách mạng này mà chỉ dùng những lý lẽ thuần lý, trái lại, phải thường xuyên vận dụng những nguyên tắc và quy luật của tâm lý học.

100 năm chẵn đã trôi qua kể từ ngày cuốn sách ra đời đến thời điểm chúng tôi dịch nó sang tiếng Việt. Dịch xong nó, chúng tôi ngờ ngợ rằng ở Việt Nam cũng đã có nhiều người đọc nó từ nguyên bản. Đọc cuốn sách “cổ” này, chúng tôi thấy ấn tượng về cái cách mà Napoleon lên ngôi không vội vàng, không tốn súng đạn, xương máu, luôn lựa chọn những bước đi tuần tự mà vững chắc nhờ có những hiểu biết tinh tế về tâm lý; nhận thức về cái cách đối nhân xử thế thiếu lòng vị tha và đầy đố kị của các thủ lĩnh cách mạng Pháp; sức mạnh vô song của quần chúng, nhưng hiệu quả của sức mạnh ấy lại phụ thuộc hầu như hoàn toàn vào những người lãnh đạo và các cấp chính quyền (!?); giá trị không gì có thể vượt qua của tâm hồn dân tộc, của truyền thống cha ông… Rất nhiều điều được đề cập trong cuốn sách này đến nay vẫn còn giữ nguyên tính thời sự.

Nhiều người nói rằng đây là một cuốn sách nên đọc. Tờ Thời Đại của Anh từ đầu thế kỷ XX cũng từng khuyên: “Tất cả các chính khách cần phải nghiên cứu cuốn sách của Gustave le Bon. Tác giả không có tiếng tăm gì về các lý thuyết kinh điển liên quan tới cuộc Cách mạng Pháp và những luận giải tâm lý học của ông đã đã dẫn ông tới những kết luận hết sức mới….”

Tiếng Pháp của 100 năm trước đã có một số yếu tố cổ, thêm nữa sử học và tâm lý học cũng không phải là chuyên môn của người dịch, vì vậy việc dịch thuật đã không dễ dàng. Rất mong bạn đọc thông cảm và chỉ bảo cho những gì còn khiếm khuyết.

Hà Nội, mùa đông năm 2013

Người dịch: Gs.Ts. Đào Đình Bắc

Lời dẫn cho lần xuất bản mới

Những tư tưởng hiện tại về Cách mạng Pháp

Tác phẩm tôi giới thiệu ở đây là của lần xuất bản mới không phải được viết ra nhằm chê trách hoặc ca tụng cuộc Cách mạng Pháp, mà chỉ là cố luận giải nó bằng những phương pháp tâm lý học từng được trình bày trong một cuốn sách khác của tôi: Các quan điểm và các tín ngưỡng.

Mục tiêu theo đuổi đã khiến tôi không phải tính đến những quan điểm đã từng được trình bày trước đây. Song cũng sẽ là thú vị nếu ta nắm được chúng, bởi vậy tôi đã dành một chương để điểm lại những tư tưởng, mà thực ra còn mâu thuẫn nhau, của các nhà sử học về thảm kịch cách mạng vĩ đại này.

Các cuốn sách thường chỉ phản ánh những quan điểm của quá khứ. Chúng có thể giúp chuẩn bị những ý tưởng cho tương lai, nhưng rất ít khi thể hiện những tư tưởng của thời hiện tại. Chỉ có các tạp chí và tập san là thể hiện được chân thực những tình cảm của thời khắc hiện tại. Do vậy, những nhận xét phê bình của chúng sẽ rất hữu ích.

Từ những bài báo phân tích về công trình này, chúng ta có thể rút ra ba quan niệm phản ánh rõ ràng những tư tưởng đang được ưa chuộng ngày nay về Cách mạng Pháp.

Quan niệm thứ nhất xem Cách mạng Pháp như là một dạng của tín ngưỡng mà người ta phải chấp nhận hoặc gạt bỏ cả gói; quan niệm thứ hai xem đây như một hiện tượng thần bí không thể giải thích được; quan niệm thứ ba coi nó như một sự cố không thể phán xét trước khi công bố một số lượng khổng lồ những tài liệu chính thống chưa từng xuất bản.

Sẽ không kém phần thú vị, nếu ta phân tích ngắn gọn giá trị của ba quan niệm này. Được luận giải theo con mắt tín ngưỡng, cuộc Cách mạng hiện ra đối với đa số người dân Pháp như là một sự kiện tốt lành, bởi vì đã kéo họ ra khỏi trạng thái mông muội, giải phóng họ khỏi ách áp bức của giới quý tộc. Từng có hơn một nhân vật chính trị cho rằng nếu không có Cách mạng, họ sẽ phải lui về thân phận đầy tớ của những lãnh chúa lớn.

Trạng thái tâm lý này được mô tả đầy đủ trong một công trình nghiên cứu quan trọng mà một chính khách, ngài Émile Ollivier, đã dành để phản bác những tư tưởng trong quyển sách của tôi.

Sau khi nhắc lại luận thuyết xem Cách mạng Pháp như một sự cố vô bổ, vị viện sĩ lỗi lạc viết thêm:

“... Gustave le Bon vừa đây đã dành cả uy tín của mình cho luận đề này. Trong một công trình gần đây về tâm lý học của Cách mạng Pháp, nơi người ta thấy lại được sức mạnh của phép tổng hợp và văn phong của ông, ông nói: “Cái lợi thu được với giá của biết bao sự đổ nát sau này người ta đã đạt được, mà không cần phải cố gắng, chỉ nhờ vào tiến trình đơn thuần của sự khai hóa văn minh.”

Émile Ollivier không chấp nhận quan điểm này. Ông cho rằng cuộc Cách mạng Pháp đã từng là cần thiết, và ông kết luận với lời lẽ:

“Người hối tiếc là những ai sẽ không còn muốn làm kẻ bình dân đi vỗ, đập nước ao để ngăn cản lũ ếch làm xáo động giấc ngủ của lãnh chúa; người oán thán là những ai sẽ không còn muốn an phận nhìn cánh đồng của mình bị hủy hoại bởi đàn chó săn của một chàng trai trẻ ngạo mạn; người buồn tiếc là những ai sẽ không còn muốn rơi vào tình cảnh phải thức dậy trong ngục Bastille vì một gã Lauzun nào đó thèm muốn vợ anh ta, hoặc vì một từ buột miệng chống lại một người có uy quyền, hoặc còn hơn nữa là vì một lý do không ai rõ; người tuyệt vọng là những ai sẽ không còn muốn bị áp chế bởi mấy ông bộ trưởng, mấy ông thày ký, mấy ông quan giám quận, không còn muốn bị đẽo gọt mặc sức, bị cướp bóc thêm nữa như người bị đánh thuế, không còn muốn bị khinh rẻ và bị la ó bởi những kẻ chinh phục mạo xưng. Đối với tôi, một người bình dân, tôi xin cảm ơn những người mà sự lao động vất vả, nặng nhọc của họ đã giải phóng tôi khỏi những cái ách mà nếu không có họ thì vẫn sẽ còn đè nặng trên đầu tôi, và dù cho họ còn có lỗi, tôi cầu phúc cho họ. ”

Lòng tin được khái quát trong những dòng trên đây, cùng với sử thi Napoleon, đã góp phần to lớn vào việc làm cho kí ức về Cách mạng trở nên được lòng người dân Pháp. Nó xuất phát trước tiên từ một ảo tưởng hết sức phổ biến, thậm chí cả trong chính giới, rằng thể chế quy định những dạng thức tồn tại của một dân tộc, trong khi thực ra những dạng thức ấy đều được quy định hầu như hoàn toàn bởi tiến bộ khoa học và kinh tế. Đầu máy từng là một cái máy san ủi có hiệu quả khác với với cỗ máy chém, và thậm chí nếu không có Cách mạng, chắc chắn từ lâu chúng ta cũng đã đạt tới trạng thái bình đẳng, tự do của ngày hôm nay và, vả chăng, nhiều dân tộc khác đã đạt được trạng thái ấy ngay cả trước thời kỳ Cách mạng.

Quan niệm thứ hai nhận định cuộc Cách mạng như là một sự cố thần bí và không thể giải thích được, cũng góp phần duy trì uy tín của nó. Trong một bài báo phân tích công trình của tôi, ông Drumont - giám đốc chính trị của một trong những tạp chí uy tín ở Paris, đã viết:

“Sự cố tuyệt vời từng lay động Thế giới Cũ đến tận rường cột này đến nay vẫn còn là một câu đố… Các phương pháp của tâm lý học hiện đại cũng không giúp ta hiểu được gì hơn những gì từng lạ lẫm và kỳ bí trong cuộc khủng hoảng mà mãi vẫn còn là một trong những điều ngạc nhiên của lịch sử.”

Luận thuyết này dường như khá phổ biến trong giới chính trị gia của ta. Tôi đã gặp lại nó dưới một dạng thức không mấy khác biệt trong bài báo của vị cựu bộ trưởng, ngài Edouard Lockroy :

“… Các nhà sử học đã không hiểu được cuộc Cách mạng… Hội Quốc ước đã lỗi thời trong sự hỗn loạn ở trung tâm của một cuộc nổi dậy không ngừng… Sự chuyên chế của Robespierre là một truyện hoang đường... Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp là lịch sử của một đám đông, trong đó không có ai chịu trách nhiệm và mọi người đều hành động… Ai là người phụ trách? Cả đám đông, tất cả mọi người, không loại trừ ai cả, những người mờ ám từng lôi cuốn những người không rõ tung tích.”

Xem xét với góc nhìn như vậy, cuộc Cách mạng sẽ hiện ra như một chuỗi sự kiện hỗn độn được khống chế bởi một tình trạng ngẫu nhiên kì bí.

Các đoạn trích dẫn ngắn trên đã cho thấy sự không chắc chắn đến nhường nào sẽ còn tiếp tục làm khó cho việc nghiên cứu về cuộc Cách mạng này và dường như đã biện minh cho sự thận trọng của những nhà thông thái tự hạn chế mình trong việc công bố các bài viết.

Như vậy là đang hiện hữu một tinh thần không thiên vị lo đi tìm một ý tưởng đúng đắn về cuộc Cách mạng, hoặc là từ những đức tin mù quáng, hoặc là từ những khẳng định rằng sự cố vĩ đại này không thể giải thích được, ít ra là với tình trạng tài liệu hiện có.

Sự bất lực trong việc luận giải này đã làm tôi kinh ngạc, khi tôi bắt tay nghiên cứu về cuộc Cách mạng nhằm tìm ra ở đó cách ứng dụng những phương pháp tâm lý học của tôi. Rất nhanh chóng tôi đã nhận ra rằng những điều lưỡng lự của các nhà sử học về cuộc đại khủng hoảng này đơn giản là nảy sinh từ thói quen vận dụng những luận giải thuần lý để giải thích những sự kiện nảy sinh từ những thế lực thần bí, cảm xúc và tập hợp vốn xa lạ với lý trí.

Lịch sử của cuộc Cách mạng cung cấp bằng chứng cho điều đó trên từng trang của mình. Cái logic tập hợp, chứ không phải là logic thuần lý, chỉ riêng nó đã có thể phát giác tại sao các hội đồng cách mạng lại bỏ phiếu không ngừng cho những biện pháp mâu thuẫn với quan điểm của mỗi người trong số thành viên của mình. Lý lẽ cũng không thể giải thích được tại sao trong một đêm nổi tiếng, các vị đại diện của giới quý tộc đã đoạn tuyệt với những đặc quyền mà họ từng gắn bó biết nhường nào và sự từ bỏ chúng đúng lúc có thể đã giúp họ tránh được cuộc Cách mạng.

Khi không có kiến thức về sự biến hóa nhân cách trong những tình huống khác nhau, làm sao người ta có thể hiểu được những người tư sản trí thức và chuộng sự yên bình tại một số ủy ban đã quyết định việc xây dựng hệ đo lường mét và mở ra những trường học lớn, ở nơi khác lại bỏ phiếu cho những biện pháp tàn bạo như cái chết của Lavoisier và của nhà thơ Chénier hoặc cho việc phá hủy những ngôi mộ tuyệt đẹp ở Saint-Denis? Và, cuối cùng, làm sao có thể hiểu được sự lan tỏa của các phong trào cách mạng nói chung, nếu không có kiến thức về những quy luật thực tiễn của thuật thuyết phục vốn rất khác với những gì người ta được học trong sách vở?

Tại Pháp, chúng ta được khuôn đúc theo cách hợp lý hóa quá mức để có thể chấp nhận dễ dàng rằng lịch sử có thể diễn ra ngoài quy luật, thậm chí bất chấp mọi lý lẽ. Mặt khác, chúng ta cần phải nhẫn nại để thay đổi hoàn toàn các phương pháp của mình trong luận giải lịch sử, nếu chúng ta muốn hiểu được cả một mớ những sự kiện mà lý lẽ vẫn phải bó tay.

Tôi tin tưởng rằng những tư tưởng được trình bày trong tác phẩm này sẽ lan tỏa nhanh chóng. Nhiều bài báo đã chứng tỏ rằng chúng đã làm kinh ngạc nhiều nhà quan sát. Để dẫn chứng, chỉ cần dẫn ra đây một số đoạn trích từ tờ báo có thế lực nhất trong số các tạp chí của Anh, tờ Thời đại.

“Tất cả các chính khách cần phải nghiên cứu cuốn sách của Gustave Le Bon. Tác giả không có tiếng tăm gì về các lý thuyết kinh điển liên quan tới cuộc Cách mạng Pháp và những luận giải tâm lý học của ông đã đã dẫn ông tới những kết luận hết sức mới. Chính nhờ vậy mà ông đã làm nổi bật đến kinh ngạc vai trò yếu ớt của quần chúng trong các phong trào cách mạng, sự mâu thuẫn tuyệt đối giữa ý nguyện cá nhân và ý nguyện tập thể của các thành viên hội đồng, yếu tố thần bí đã dẫn dắt các bậc anh hùng của cuộc Cách mạng và những vị anh hùng ấy đã ít thuận theo lẽ phải biết chừng nào. Không có cuộc Cách mạng này, thì đã thật là khó để chứng minh rằng lý lẽ không thể làm thay đổi được con người, và do vậy suy ra rằng một xã hội không thể tự cơ cấu lại theo ý chí của các nhà lập pháp, cho dù quyền lực của họ có đầy đủ đến đâu.”

Lịch sử của cuộc Cách mạng trên thực tế được cấu thành từ cả một loạt những lịch sử song hành và thường độc lập với nhau: lịch sử của một chế độ cũ nát đang tàn lụi do không có những người bảo vệ; lịch sử của những hội đồng cách mạng; lịch sử của những phong trào quần chúng cùng với những thủ lĩnh của họ ; lịch sử của những đạo quân ; lịch sử của những thiết chế mới,... Tất cả những lịch sử này vốn phần lớn thể hiện sự xung đột của các động lực tâm lý học đều cần phải được nghiên cứu bằng những phương pháp mượn từ khoa tâm lý học.”

Người ta có thể tranh luận về giá trị của những luận giải của chúng tôi. Tuy nhiên tôi tin rằng từ nay sẽ thật khó mô tả được cuộc Cách mạng Pháp mà không quan tâm đến những luận giải ấy.

Paris, tháng Giêng năm 1913.

# Mở đầu

Duyệt lại những chặng đường lịch sử

Thời đại ngày nay không chỉ là thời đại của những phát hiện mới, mà còn là thời kỳ xét lại những yếu tố khác nhau của sự nhận thức. Sau khi thừa nhận rằng không có một hiện tượng nào mà nguyên nhân ban đầu của nó giờ đây có thể tiếp cận được, khoa học đã tiếp tục phân tích những điều phân vân trước kia của mình và đã ghi nhận tính bấp bênh của chúng. Khoa học ngày nay đã chứng kiến những nguyên lý xưa cũ của mình lần lượt mất đi. Cơ học mất đi toán học tiên đề; vật chất, trước kia là chất nền vĩnh cửu của các thế giới, trở nên thể tập hợp đơn thuần của các lực tồn tại chốc lát được cô đọng nhất thời.

Mặc dù nhờ có khía cạnh ước đoán của mình, lịch sử đã phần nào thoát được những sự phê phán nghiêm khắc quá mức, nó cũng đã không tránh khỏi sự xét lại toàn năng này. Không còn một pha nào của lịch sử mà người ta có thể nói là đã biết rõ hoàn toàn. Mọi điều tưởng như đã nắm được rõ ràng, giờ đây đều bị nghi vấn.

Trong số những sự kiện mà việc nghiên cứu tưởng như đã xong, có cuộc Cách mạng pháp. Từng được phân tích bởi nhiều thế hệ các nhà văn, người ta có thể tin rằng nó đã được nghiên cứu một cách hoàn hảo. Có thể nói gì thêm về cuộc Cách mạng này, nếu không phải chỉ là sửa đổi vài chi tiết?

Và đây chính là những gì khiến những người bảo vệ vững tin nhất của nó cũng bắt đầu hết sức do dự trong những xét đoán của mình. Những điều trước kia là hiển nhiên, giờ đây hóa ra lại còn phải bàn cãi. Lòng tin vào những giáo điều vốn được coi là thiêng liêng, nay đang bị lung lay. Các tác phẩm sau cùng viết về Cách mạng Pháp đã tiết lộ những điều không chắc chắn này. Sau khi kể lại lịch sử, ngày càng nhiều người từ chối đưa ra kết luận.

Không chỉ nhiều nhân vật anh hùng của tấn kịch vĩ đại này đã bị đưa ra bàn cãi một cách không khoan dung, mà người ta còn tự hỏi liệu nền luật pháp mới thay thế cho chế độ cũ sẽ có thể được thiết lập một cách tự nhiên phi bạo lực sau một chuỗi tiến bộ của sự khai hóa văn minh? Kết quả thu được hóa ra không ăn khớp cả vớí cái giá phải trả tức thời, cũng như với những hệ quả trong tương lai xa mà cuộc Cách mạng đã làm nảy sinh từ những khả năng của lịch sử.

Có nhiều nguyên nhân đã đưa đến việc xét lại thời kỳ bi kịch này. Thời gian đã làm dịu những đam mê, nhiều tài liệu đã được rò rỉ từ những kho lưu trữ và người ta học cách lí giải chúng một cách độc lập.

Nhưng có lẽ chính tâm lý học hiện đại sẽ dẫn dắt tư tưởng của chúng ta một cách đúng đắn nhất, vì nó cho phép hiểu sâu hơn con người cùng những động cơ dẫn dắt hành vi của họ. Trong số những phát hiện của tâm lý học mà từ nay có thể vận dụng cho lịch sử, trước hết cần nhắc tới những kiến thức sâu sắc hơn về những hành động của tổ tiên, những quy luật điều khiển đám đông, những kinh nghiệm liên quan đến sự tan rã của những nhân cách, sự lây lan về tâm thần, sự hình thành vô ý thức của những niềm tin, sự phân biệt những dạng thức khác nhau của logic.

Những ứng dụng của tâm lý học được sử dụng trong quyển sách này thực ra vẫn chưa từng được thực hiện. Các nhà sử học của cuộc cách mạng này nhìn chung vẫn tiếp tục nghiên cứu tài liệu. Tuy vậy, nó cũng đủ để gợi ra những nghi ngờ mà tôi đang nói tới ở đây.

\* \* \*

Những sự kiện vĩ đại từng làm thay đổi số phận của các dân tộc, như những cuộc cách mạng, sự bùng nổ của những niềm tin, thật là khó giải thích, đôi khi đành phải dừng ở sự ghi nhận đơn thuần.

Ngay từ những nghiên cứu đầu tiên của tôi về lịch sử, tôi đã phải ngạc nhiên về sự bí hiểm của một số hiện tượng cốt lõi liên quan trước hết đến sự nảy sinh ra những đức tin. Tôi cảm nhận rất rõ rằng để giải thích chúng, người ta còn thiếu một điều gì đó rất căn bản. Vì lý lẽ đã nói ra tất cả những gì có thể nói, nên ta không cần phải chờ đợi gì từ nó thêm nữa, mà cần tìm ra những phương tiện khác để hiểu được những gì nó chưa làm sáng tỏ.

Những câu hỏi lớn này trong một thời gian dài rất khó hiểu đối với tôi. Nhiều chuyến du hành xa xôi dành để nghiên cứu những mảnh vỡ của các nền văn minh đã biến mất cũng không làm chúng sáng tỏ thêm được bao nhiêu.

Suy nghĩ về điều đó thường xuyên, người ta đã phải thừa nhận rằng ở đấy còn có cả một loạt vấn đề khác cần được nghiên cứu riêng rẽ. Đó chính là điều tôi đã làm suốt 20 năm và những kết quả nghiên cứu được ghi lại trong một loạt công trình nối tiếp nhau.

Một trong những công trình đầu tiên đã được dành để nghiên cứu quy luật tâm lý học trong sự tiến hóa của các dân tộc. Sau khi chứng minh rằng các chủng tộc được hình thành theo sự sắp đặt ngẫu nhiên của lịch sử cuối cùng đều tiếp nhận được những đặc trưng tâm lý ổn định như các đặc trưng giải phẫu của họ, tôi đã thử giải thích cách mà các dân tộc thay đổi các thể chế, ngôn ngữ và nghệ thuật của mình. Cũng trong công trình này, tôi đã chỉ rõ vì sao do ảnh hưởng của những biến đổi đột ngột của môi trường mà nhân cách cá nhân có thể bị tan rã hoàn toàn.

Nhưng ngoài những tập hợp người ổn định kết thành từ các dân tộc, còn có những tập hợp người linh động và tạm thời, gọi là những đám đông. Song, nên nhớ rằng những đám đông này lại có những đặc trưng tuyệt đối khác với với tính cách của từng cá nhân bên trong và chính những đám đông là phương tiện để diễn ra những biến cố lịch sử vĩ đại. Vậy, những đặc trưng đó là gì, chúng đã tiến hóa thế nào? Vấn đề mới này chính là nội dung của công trình Tâm lý học đám đông.

Chỉ sau những nghiên cứu này tôi mới bắt tay vào xem xét một số ảnh hưởng mà tôi chưa nhìn thấy trước đó.

Nhưng đó vẫn chưa phải là tất cả. Trong số những nhân tố quan trọng nhất của lịch sử đã hiện ra một nhân tố ưu trội là tín ngưỡng. Những tín ngưỡng này đã sinh ra như thế nào, liệu chúng có thực sự hợp lý và tự nguyện, như chúng ta vẫn được học lâu nay? Liệu có phải chúng, trái lại, là vô ý thức và độc lập với mọi lý lẽ. Vấn đề khó này đã được nghiên cứu trong cuốn sách cuối cùng của tôi là Các quan điểm và các tín ngưỡng.

Khi nào tâm lý học còn coi tín ngưỡng là tự nguyện và hợp lý, thì chúng vẫn còn không thể giải thích được. Sau khi chứng minh được rằng chúng phần nhiều là phi lý và mãi mãi là không cố ý, tôi đã đưa ra được lời giải cho vấn đề quan trọng này là làm thế nào mà những tín ngưỡng, vốn không một lý lẽ nào có thể biện minh được, lại được chấp nhận một cách không khó khăn bởi những tâm hồn trong sáng nhất của mọi thời đại?

Lời giải cho những khó khăn mang tính lịch sử kéo dài suốt bấy nhiêu năm từ đây đã hiện ra rõ nét. Tôi đã đi đến kết luận rằng bên cạnh cái logic hợp lý vốn xâu thành chuỗi những tư tưởng và từng được xem như cẩm nang dẫn đường duy nhất của chúng ta, còn có những dạng thức logic rất khác nữa, đó là logic của cảm xúc, logic tập hợp và logic thần bí, những thứ logic thông thường áp đảo lý lẽ và tạo ra những xung lực phát sinh trong hành vi của chúng ta.

Khi điều công bố trên đây được xác lập chắc chắn, tôi cảm thấy rõ còn biết bao sự cố lịch sử vẫn chưa được thấu hiểu, những điều mà người ta muốn giải thích bằng thứ logic trong thực tế ảnh hưởng rất ít đến sự phát sinh của chúng.

\* \* \*

Tất cả những tìm tòi được tôi tóm tắt bằng mấy dòng ngắn ngủi ở đây đã đòi hỏi nhiều năm dài nghiên cứu. Nản chí trong việc kết thúc chúng, tôi từng bỏ dở không chỉ một lần để trở lại với những công việc của phòng thí nghiệm, nơi mà người ta luôn tin là đang cận kề chân lý và chí ít cũng thu được những mảnh nhỏ của điều xác thực.

Nhưng nếu việc khảo sát thế giới của những hiện tượng vật chất là rất thú vị, thì việc nghiên cứu giải mã con người còn thú vị hơn nữa, và đó là lý do khiến tôi luôn bị cuốn hút bởi khoa học tâm lý.

Một vài nguyên lý được suy từ những nghiên cứu của mình, với cảm nhận là có triển vọng, đã được tôi quyết tâm ứng dụng vào nghiên cứu các trường hợp cụ thể, và vì thế tôi đã tiếp cận tâm lý học của các cuộc cách mạng, ở đây là Cách mạng Pháp.

Cùng với sự tiến triển trong phép phân tích cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta, phần lớn các quan điểm vốn được nhào nặn từ việc đọc các pho sách, và tôi từng cho là không thể lay chuyển, đã tuần tự tan biến đi.

Để giải thích giai đoạn này, không nên xem xét nó như một thể nguyên khối, cách mà nhiều nhà sử học đã làm. Nó được kết thành từ những hiện tượng diễn ra đồng thời, nhưng lại độc lập với nhau.

Tại mỗi pha của nó từng diễn ra những sự kiện phát sinh theo các quy luật tâm lý vận hành với tính đều đặn cứng nhắc của một bộ bánh răng. Những người chủ chốt trong tấn kịch vĩ đại này dường như đã hành động như các nhân vật của những màn diễn được vạch sẵn từ trước. Mỗi người đều nói những điều phải nói, làm những việc phải làm.

Không nghi ngờ gì rằng những người chủ chốt của cuộc cách mạng khác với các diễn viên của một tấn kịch viết sẵn ở chỗ họ không nghiên cứu trước vai diễn của mình, nhưng lại có những lực vô hình cho họ biết điều phải diễn, giống như là họ đã được học những vai diễn ấy.

Chính bởi vì họ đã phải trải qua một tiến trình tiền định theo những logic mà họ không thể hiểu được, nên người ta nhìn thấy họ trong dáng vẻ ngạc nhiên bởi những sự kiện mà họ là những diễn viên chính, như sự ngạc nhiên của chính chúng ta vậy. Họ không bao giờ nghi ngờ về những thế lực vô hình đã xui khiến họ hành động. Cả sự cuồng nhiệt cũng như sự yếu mềm của họ đều không phụ thuộc vào chính họ. Họ phát biểu nhân danh lý lẽ, họ làm như là mình được dẫn dắt bởi lý lẽ, nhưng trong thực tế thì hoàn toàn không phải là lý lẽ dẫn dắt họ.

“Các quyết định mà vì chúng người ta đã quở trách chúng tôi biết bao, Billaud-Varenne từng viết, đâu có phải do chúng tôi muốn thế, mà thông thường hơn cả chúng được gợi ra duy nhất bởi cuộc khủng hoảng, trước đó 2 ngày hoặc một ngày.”

Không cần phải nhìn nhận các sự cố cách mạng như những gì được chế ngự bởi những điều tiền định khẩn thiết. Độc giả của chúng tôi biết rằng chúng tôi biết ơn con người hành động cao thượng về vai trò chia tách những điều tiền định. Song, cũng mới chỉ tách ra được một lượng nhỏ và thông thường còn bất lực trước sự diễn biến của các sự cố mà người ta chỉ nắm được chút ít ở cội nguồn của chúng. Nhà bác học biết cách diệt vi trùng trước khi nó phát tác, nhưng lại bất lực đối với sự diễn biến của bệnh.

\* \* \*

Khi một câu hỏi làm nổi lên những quan điểm rất trái ngược nhau, người ta có thể đảm bảo rằng nó thuộc lãnh địa của đức tin, chứ không phải là của sự hiểu biết.

Chúng tôi đã chỉ ra trong một công trình trước đây rằng tín ngưỡng mang bản chất không tự giác và không phụ thuộc vào mọi lý lẽ, chưa từng bao giờ bị ảnh hưởng bởi sự lập luận.

Cuộc Cách mạng Pháp, công trình của những tín đồ, mới chỉ bị phán xét chút ít bởi các tín đồ. Bị nguyền rủa bởi người này, được thán phục bởi người khác, nó vẫn còn là một trong những giáo điều được chấp nhận hoặc vứt bỏ cả gói mà không có một logic hợp lý nào được viện dẫn cho sự lựa chọn này.

Nếu vào những thời khắc ban đầu, một cuộc cách mạng tôn giáo hoặc chính trị có thể dễ dàng có được những yếu tố hợp lý làm chỗ dựa, thì sau đó nó chỉ phát triển theo những yếu tố thần bí và tình cảm tuyệt đối xa lạ với lý lẽ.

Các nhà sử học từng xét đoán các sự cố của cuộc Cách mạng Pháp nhân danh logic hợp lý đã không thể hiểu được chúng, bởi lẽ dạng thức logic này đã không buộc chúng phải xảy ra. Vì những người chủ chốt của các sự cố này đã không tự mình tìm hiểu chúng một cách sâu sắc, nên sẽ không phải là chúng ta rời xa sự thật quá mức, khi nói rằng cuộc Cách mạng này là một hiện tượng không được thấu hiểu cả từ phía những người thực hiện cũng như từ phía những người từng kể lại nó. Ở bất cứ giai đoạn nào của lịch sử, chúng ta cũng chỉ nắm được rất ít về hiện trạng, càng không biết gì về quá khứ và còn dự đoán được ít hơn nữa về tương lai.

\* \* \*

Sức mạnh của cuộc Cách mạng không nằm ở các nguyên lý, vả chăng lại quá xa xưa, mà nó mong muốn phổ biến, cũng không ở những thiết chế mà nó đã có tham vọng thiết lập. Nhân dân rất ít bận tâm về các thể chế, còn ít hơn nữa về các học thuyết. Nếu Cách mạng đã từng mạnh mẽ đến thế, nếu nó đã buộc nước Pháp phải chấp nhận bạo lực, giết chóc, đổ nát và nỗi sợ hãi của một cuộc nội chiến khủng khiếp, và sau nữa nếu nó đã tự vệ một cách thắng lợi chống lại cả Châu Âu vũ khí trong tay, chính là vì nó đã được dấy lên không phải bởi một thể chế mới, mà là bởi một tín ngưỡng mới. Như vậy, lịch sử cho chúng ta thấy một tín ngưỡng mạnh có sức quyến rũ đến nhường nào. Bản thân La Mã bất khả chiến bại cũng từng phải cúi mình một thời trước những đạo quân của những bộ lạc mục đồng du mục được soi sáng bởi lòng tin Mahomet. Vì lí do tương tự, các vị vua của Châu Âu cũng không thể kháng cự lại được những chiến binh quần áo rách bươm của Hội Quốc Ước. Cũng như mọi tông đồ, họ từng sẵn sàng hi sinh thân mình với mục đích duy nhất là truyền bá các tín ngưỡng, mà theo họ, có sứ mệnh đổi mới thế giới.

Tôn giáo được thiết lập như vậy từng có được sức mạnh của những tôn giáo đàn anh của mình, chứ không phải của khoảng dài thời gian tồn tại. Đồng thời nó không tàn lụi mà không để lại những dấu tích sâu sắc và những ảnh hưởng của mình mãi về sau.

\* \* \*

Chúng tôi sẽ không coi cuộc Cách mạng như một vết đứt trong lịch sử, điều mà những tín đồ của nó từng tin. Chúng tôi biết rằng để thể hiện ý định của họ xây dựng một thế giới phân biệt rõ với thế giới cũ, họ đã tạo ra một thời đại mới và làm như đã cắt đứt hoàn toàn với mọi dấu vết của quá khứ.

Song, quá khứ không bao giờ chết. Nó vẫn còn lại chính trong chúng ta nhiều hơn là bên ngoài chúng ta. Trái với ý mình, những người cải cách của cuộc Cách mạng Pháp, do vậy, vẫn còn thấm đẫm quá khứ và vẫn luôn tiếp tục duy trì, dưới những tên gọi khác nhau, các truyền thống quân chủ, đồng thời thậm chí thổi phồng sự chuyên chế và tập trung của chế độ cũ. Tocqueville không gặp mấy khó khăn, khi chỉ ra rằng Cách mạng đã hầu như chỉ lật đổ cái sắp phải sụp đổ.

Nếu trong thực tế Cách mạng đã không phá bỏ bao nhiêu, thì nó lại tạo cơ hội cho sự nở rộ của một số tư tưởng mà sau này sẽ còn tiếp tục lớn mạnh.

Tình huynh đệ và tự do mà nó tuyên ngôn đã không bao giờ quyến rũ được nhiều đối với các dân tộc, nhưng sự bình đẳng thì đã trở thành Phúc âm của họ, thành cột trụ của chủ nghĩa xã hội và của mọi cuộc cách mạng dân chủ thời nay. Như vậy, ta có thể nói rằng cuộc Cách mạng Pháp đã không kết thúc với sự lên ngôi của Đế chế, cũng không với sự phục hồi tuần tự tiếp theo sau đó. Ngấm ngầm hay giữa thanh thiên bạch nhật, nó diễn ra chậm chạp trong thời gian và vẫn còn tiếp tục đè nặng lên đầu óc con người.

\* \* \*

Công trình nghiên cứu về cuộc Cách mạng Pháp chiếm phần lớn nội dung của cuốn sách này sẽ cởi bỏ cho độc giả khỏi không chỉ một ảo tưởng thông qua việc chỉ rõ rằng những quyển sách kể về cách mạng chứa đựng một tập hợp những truyền thuyết rất xa xôi về những sự thực.

Những truyền thuyết này, không nghi ngờ gì, vẫn tồn tại một cách sống động hơn cả lịch sử. Không nên luyến tiếc quá nhiều. Biết được sự thật có thể sẽ là thú vị đối với một vài nhà triết học, nhưng đối với nhân dân thì dường như ảo tưởng bao giờ cũng dễ ưa hơn. Tổng hợp lý tưởng của mình, chúng tạo thành những động cơ hành động mạnh mẽ. Fontenelle từng nói rằng người ta có thể mất đi dũng khí, nếu không được trợ lực bằng những ý tưởng sai lệch. Jeanne d’Arc, những Người Khổng lồ của Hội Quốc Ước, thiên Sử thi đế chế, tất cả những vầng sáng rực rỡ này của quá khứ sẽ mãi là những động cơ sản sinh hi vọng trong những thời khắc đen tối xảy đến sau những thất bại. Chúng hợp thành một phần di sản của những ảo tưởng di tặng của cha ông chúng ta và sức mạnh của chúng đôi khi vượt trội so với sức mạnh của sự thực. Ước mơ, lý tưởng, truyền thuyết, tóm lại là những điều phi thực tại, đó là những gì lịch sử dẫn dắt.

# Phần một. những yếu tố tâm lý của các phong trào cách mạng

# Quyển I. Những đặc trưng chủ yếu của các cuộc cách mạng

Chương I. Cách mạng khoa học và cách mạng chính trị

1. Phân loại các cuộc cách mạng

Người ta thường sử dụng thuật ngữ cách mạng cho những sự đổi thay chính trị đột ngột, nhưng thực ra từ này cần phải được dùng để ám chỉ mọi sự chuyển đổi bất ngờ, hoặc những gì tương tự về tín ngưỡng, tư tưởng và các luận thuyết.

Chúng tôi đã khảo cứu trong một công trình khác vai trò của các yếu tố lý tính, cảm xúc và thần bí trong sự ra đời của các quan điểm và các tín ngưỡng, những nhân tố quy định hành vi. Do vậy, sẽ không cần quay lại vấn đề này ở đây.

Một cuộc cách mạng có thể kết thúc bằng một tín ngưỡng, nhưng dưới tác động của những động cơ hết sức hợp lý, nó thường bắt đầu bằng việc loại bỏ thói nhũng lạm hiển nhiên, một chế độ chuyên chế bị chán ghét, một quân vương không được lòng thần dân,...

Nếu đôi khi cội nguồn của một cuộc cách mạng có thể là hợp lý, thì cũng không nên quên rằng những nguyên nhân được viện dẫn để chuẩn bị cho nó chỉ tác động lên đám đông sau khi đã tự chuyển hóa thành ý thức. Với logic hợp lý, chúng ta có thể chỉ ra những sự nhũng lạm để phá bỏ, nhưng để vận động quần chúng, cần phải làm nảy sinh trong quần chúng những niềm hi vọng. Chúng ta chỉ đạt đến được điều đó bằng cách vận dụng những yếu tố tình cảm và thần bí cung cấp cho con người sức mạnh hành động. Chẳng hạn, vào thời đại của cuộc Cách mạng Pháp, logic hợp lý từng được các nhà triết học sử dụng đã làm phơi bày những điều bất tiện của chế độ cũ và đã khêu gợi ý muốn thay đổi nó. Logic thần bí đã tạo ra tín ngưỡng trong các tính năng của một xã hội được xây dựng hoàn toàn theo những nguyên tắc nhất định. Logic cảm xúc đã thả lỏng dục vọng bị dồn nén bởi những cái phanh hàng trăm năm và đã dẫn tới những sự thái quá tệ hại nhất. Logic tập hợp đã thống trị các câu lạc bộ, các đám tập hợp và đã đẩy những thành viên của chúng tới những hành động mà cả logic hợp lý, logic tập hợp và logic thần bí đều không thể xúi dục họ mắc phải.

Bất luận nguồn gốc gì, một cuộc cách mạng chỉ có thể tạo ra hệ quả sau khi thâm nhập được vào tâm hồn của quần chúng. Các sự kiện khi đó đã tiếp nhận những dạng thức đặc biệt như là hệ quả từ loại logic đặc biệt của những đám đông. Vì lí do đó mà những phong trào nhân dân có những đặc trưng điển hình đến mức chỉ cần mô tả một trong số những sự kiện ấy cũng đủ làm cho người ta biết được những sự kiện khác. Như vậy, quần chúng là điểm đến của một cuộc cách mạng, nhưng nó không tạo thành điểm xuất phát. Đám đông là một sự vật vô định hình không có khả năng làm gì mà cũng không mong muốn gì khi không có một bộ phận đầu não chèo lái nó. Sau đó nó sẽ khá nhanh chóng vượt quá sung lực đã được nhận, nhưng lại không bao giờ tự tạo ra được sung lực.

Những cuộc cách mạng chính trị diễn ra đột ngột làm kinh ngạc các nhà sử học nhiều hơn cả, đôi khi lại là những cuộc cách mạng ít quan trọng nhất. Còn những cuộc cách mạng vĩ đại lại chính là cách mạng lối sống, thuần phong mỹ tục và tư tưởng. Không phải là bằng cách thay đổi chính phủ mà người ta có thể thay đổi tư duy, tình cảm của một dân tộc. Lật đổ các thể chế của một quốc gia không đổi mới được tâm hồn của dân tộc.

Những cuộc cách mạng thực thụ, tức là những gì làm thay đổi số phận của các dân tộc, thông thường hơn cả được thực hiện một cách chậm chạp đến nỗi các nhà sử học rất khó xác định được thời điểm bắt đầu của chúng. Trong những trường hợp này, thuật ngữ tiến hóa được áp dụng phù hợp hơn nhiều so với thuật ngữ cách mạng.

Những yếu tố khác nhau vừa được chúng tôi liệt kê dù đã đi vào nơi khởi nguồn của phần lớn các cuộc cách mạng, vẫn không đủ để phân loại chúng. Căn cứ vào mục đích mà các cuộc cách mạng đặt ra, chúng tôi chia chúng thành cách mạng khoa học, cách mạng chính trị, cách mạng tôn giáo.

2. Cách mạng khoa học

Các cuộc cách mạng khoa học phần lớn là những cuộc cách mạng quan trọng nhất. Mặc dù gây được ít sự chú ý, nhưng chúng thường tiềm ẩn những hậu quả xa xôi mà các cuộc cách mạng chính trị không tạo ra được. Do đó, chúng tôi xếp kiểu cách mạng này ở hàng đầu của dãy liệt kê, mặc dù không thể nghiên cứu chúng ở đây.

Chẳng hạn, nếu những luận thuyết của chúng ta về vũ trụ đã thay đổi sâu sắc từ thời kỳ Phục Hưng, thì chính là vì những phát hiện mới về thiên văn và việc áp dụng các phương pháp thực nghiệm đã cách mạng hóa chúng bằng cách chỉ ra rằng những hiện tượng này được điều khiển bởi những quy luật bất biến, chứ không phải bởi những ý thích thất thường của các vị thần.

Do những cuộc cách mạng như vậy diễn ra chậm chạp, nên sẽ thích hợp hơn nếu gọi chúng là những sự tiến hóa. Nhưng trong số này cũng có những trường hợp, mặc dù thuộc cấp bậc tương tự, xứng đáng được mang tên là cách mạng bởi tác động nhanh chóng của mình. Ví dụ như học thuyết Darwyn đã đảo lộn toàn bộ sinh vật học trong vòng vài năm; hoặc những phát hiện của Pasteur đã làm biến đổi ngành y ngay khi sinh thời của tác giả. Cũng vậy, lý thuyết về sự phân ly vật chất chứng minh rằng nguyên tử từng được xem là bất biến nay cũng không thoát khỏi quy luật theo đó mọi nguyên tố trong vũ trụ đều phải suy tàn và tiêu tan.

Những cuộc cách mạng khoa học diễn ra trong tư duy đều là thuần túy trí tuệ. Những cảm giác và tín ngưỡng của chúng ta không có một tác động nào tới chúng. Người ta chịu tác động của chúng mà không bàn cãi về chúng. Do những kết quả của chúng đều kiểm tra được bằng thực nghiệm, nên chúng thoát khỏi mọi sự phê phán.

3. Những cuộc cách mạng chính trị

Ở dưới và rất xa các cuộc cách mạng khoa học, những động lực sản sinh ra sự tiến bộ của các nền văn minh, chúng ta thấy hiện ra các cuộc cách mạng tôn giáo và cách mạng chính trị vốn không có mối liên hệ phát sinh với chúng. Trong khi các cuộc cách mạng khoa học xuất phát duy nhất từ những yếu tố thuần lý, thì chính trị và lòng tin tôn giáo dường như hoàn toàn dựa trên các nhân tố tình cảm và thần bí. Lý tính chỉ có vai trò rất nhỏ bé trong sự ra đời của chúng.

Tôi đã nhấn mạnh rất nhiều trong cuốn sách Các quan điểm và các tín ngưỡng của mình về nguồn gốc tình cảm và thần bí của các tín ngưỡng và chỉ ra rằng một lòng tin chính trị hay một tín ngưỡng tôn giáo là một hành động mang tính lòng tin được tạo ra trong sự vô thức và bất chấp mọi hiện tượng bề ngoài, lý tính không có tác động đến nó. Tôi cũng đã chỉ ra rằng tín ngưỡng đôi khi đạt tới cấp độ mạnh tới mức không gì có thể cưỡng lại được. Khi đó, con người bị thôi miên bởi tín ngưỡng của mình trở thành tín đồ, sẵn sàng hy sinh quyền lợi, hạnh phúc và thậm chí cả tính mạng của mình cho sự khải hoàn của tín ngưỡng này. Không mấy quan tâm đến tính phi lý trong tín ngưỡng của mình, đối với anh ta lòng tin ấy là một sự thực hiển nhiên. Chính những lòng tin mang nguồn gốc thần bí sở hữu cái quyền lực tuyệt vời này trong việc thống trị hoàn toàn các tư tưởng và chỉ bị chi phối bởi thời gian.

Chỉ riêng việc được xem như một sự thực tuyệt đối, tín ngưỡng cũng đã tất yếu trở nên không khoan dung. Chính đó là điều giải thích tính hung bạo, lòng hận thù, sự truy hại, tức là những thứ thường thấy đi kèm theo các cuộc đại cách mạng chính trị và tôn giáo, như Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ XVI và chủ yếu là Cách mạng Pháp.

Một số giai đoạn trong lịch sử của chúng ta vẫn không thể hiểu được nếu chúng ta quên nguồn cội tình cảm và thần bí của các tín ngưỡng, sự không khoan dung tất yếu của chúng, sự bất lực trong việc dung hòa chúng khi chúng đối diện với nhau, và cuối cùng là sức mạnh mà các tín ngưỡng thần bí trao cho những tình cảm bắt đầu phục vụ chúng.

Những quan niệm trên đây còn quá mới để có thể làm thay đổi tư tưởng của các nhà sử học. Trong thời gian dài nữa họ vẫn muốn giải thích bằng logic hợp lý cả một mớ những hiện tượng lạ lẫm đối với nó.

Có nhiều sự cố, như Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ 16, đã làm đảo lộn nước Pháp trong suốt năm mươi năm ròng nhưng không hề bị chi phối bởi những ảnh hưởng thuần lý. Tuy nhiên, người ta vẫn luôn luôn viện dẫn chúng, ngay cả trong những cuốn sách gần đây nhất. Chính là vậy, chẳng hạn trong sách Lịch sử đại cương của các tác giả Lavisse và Rambaud, người ta đọc được lời giải thích như sau về Phong trào cải cách tôn giáo :

“Đây là một phong trào tự phát xảy ra ở nơi này nơi khác trong dân chúng, từ việc đọc kinh Phúc Âm và từ những suy nghĩ cá nhân tự do mà lòng tin rất xơ cứng và một lý lẽ táo bạo đã gieo vào lòng những con người giản dị.”

Ngược lại với những điều quyết đoán của các nhà sử học này, chúng ta có thể vững tin mà nói rằng, trước hết, những phong trào như vậy chưa bao giờ là tự phát và, tiếp theo, rằng lý lẽ không hề can dự vào việc chuẩn bị cho sự hình thành của chúng.

Sức mạnh của những niềm tin chính trị và tôn giáo từng thúc đẩy thế giới nổi dậy chính là ở chỗ chúng nảy sinh từ những yếu tố tình cảm và thần bí, còn lý tính không tạo ra và cũng không chuyển hóa chúng.

Dù là chính trị hay tôn giáo, các tín ngưỡng đều có một nguồn cội chung và tuân theo những quy luật chung. Không phải là cùng với lý trí, mà thông thường hơn cả là ngược lý trí, những tín ngưỡng này đã được hình thành. Đạo Phật, Đạo Hồi, Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ XVI, Chủ nghĩa Jacobin, Chủ nghĩa Xã hội,... dường như là những dạng thức tư tưởng khác nhau rõ rệt. Tuy nhiên, chúng lại có cơ sở tình cảm và thần bí giống nhau và chịu sự chi phối của những logic không có quan hệ gần gũi nào với logic hợp lý.

Những cuộc cách mạng chính trị cũng có thể nảy sinh từ những đức tin hình thành trong tâm hồn, nhưng còn có nhiều nguyên nhân khác cũng tạo ra chúng. Mức độ bất mãn là một biểu hiện tổng hợp cho điều đó. Khi mà sự bất mãn trở thành phổ biến, một đảng sẽ được thành lập và sau đó thường trở nên đủ mạnh để đấu tranh chống lại chính phủ.

Sự bất mãn thông thường phải được tích lũy lâu dài để tạo hiệu ứng của mình, và chính vì thế mà một cuộc cách mạng không phải bao giờ cũng là một hiện tượng kết thúc và được tiếp nối bằng một hiện tượng khác đang bắt đầu, mà là một hiện tượng tiếp diễn có tác dụng đẩy nhanh nó chút ít. Tuy nhiên, mọi cuộc cách mạng hiện đại đều là những phong trào đột ngột kéo theo sự lật đổ tức thời các chính phủ. Có thể lấy ví dụ cách mạng Brasil, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc,...

Trái với những gì mà người ta có thể tin được, những dân tộc rất bảo thủ lại được ủy thác thực hiện những cuộc cách mạng bạo lực nhất. Do là những dân tộc bảo thủ, họ không biết cách tiến hóa chậm chạp để thích nghi với những biến đổi của môi trường và khi mà khoảng cách đã trở nên quá lớn, họ buộc phải thích nghi với chúng một cách đột ngột. Sự tiến hóa đột ngột đó chính là một cuộc cách mạng.

Những dân tộc có khuynh hướng thích nghi tăng dần cũng không tránh khỏi cách mạng. Chỉ cần một cuộc cách mạng là người Anh đã thành công, năm 1688, trong việc kết thúc cuộc đấu tranh dai dẳng từ hơn một thế kỷ trước đó giữa vương quyền tuyệt đối với dân tộc đang đòi hỏi tự quản lý đất nước bằng những đại biểu của mình.

Những cuộc cách mạng vĩ đại thường được bắt đầu từ trên xuống chứ không phải là từ dưới lên, song, một khi quần chúng nhân dân đã được kích động, thì cách mạng có được sức mạnh chính là nhờ họ. Rõ ràng là mọi cuộc cách mạng đều không thể tự diễn ra, và, vả chăng cũng không bao giờ chỉ diễn ra với sự tiếp ứng của một nhóm có thế lực của quân đội. Vương quyền đã không biến mất ở Pháp vào ngày vua Louis XVI bị chém đầu, mà là vào một thời khắc xác định, khi các đạo quân vô kỷ luật của đế chế đã từ chối bảo vệ vương quyền.

Nhờ có sự lây lan trước hết là về tinh thần mà quân đội mất đi lòng trung thành, trở nên khá vô cảm, từ thẳm sâu, đối với trật tự mới được tạo dựng. Kể từ thời điểm liên minh của một số sĩ quan thực hiện thành công việc lật đổ chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, các sĩ quan quân đội Hi Lạp cũng đã nghĩ tới chuyện bắt chước họ và thay đổi chính phủ, mặc dù chẳng có sự tương tự nào giữa hai chế độ của hai quốc gia này.

Một phong trào quân sự có thể lật đổ một chính phủ – và trong các nước cộng hòa thuộc Tây Ban Nha – các chính phủ đã bị lật đổ chỉ khác chút ít – nhưng để cho cách mạng kiểu đó gây ra được những hiệu ứng mạnh, nó phải luôn luôn có trong nền tảng của mình sự bất mãn đều khắp và những sự tuyệt vọng.

Nếu không trở nên phổ biến và cực đoan thì sự bất mãn không đủ để tạo ra cuộc cách mạng. Người ta có thể dễ dàng lôi kéo một nhóm người để phá phách, cướp bóc hoặc tàn sát, nhưng để thúc đẩy cả một dân tộc hoặc ít ra là một bộ phận to lớn của nó nổi dậy, thì phải có hành động lặp đi lặp lại của các thủ lĩnh. Họ từng thổi phồng sự bất mãn, thuyết phục những người bất mãn rằng chính phủ là nguyên nhân duy nhất của mọi sự kiện đáng buồn, như nạn đói và đảm bảo rằng chế độ mới mà họ đề nghị sẽ tạo ra một kỷ nguyên mới tràn đầy hạnh phúc. Những tư tưởng này nảy mầm, lan truyền nhờ sự gợi mở, lây lan và thời khắc sẽ đến ở nơi mà tình thế cách mạng đã chín muồi.

Bằng cách đó, cuộc cách mạng Cơ đốc giáo và Cách mạng Pháp đã được chuẩn bị. Nếu Cách mạng Pháp thực hiện trong vài năm ngắn ngủi, còn cuộc cách mạng Cơ đốc giáo đòi hỏi một thời gian rất dài là bởi vì cuộc Cách mạng của chúng ta nhanh chóng có được sức mạnh của quân đội, trong khi Cơ đốc giáo chỉ nhận được sức mạnh vật chất rất muộn về sau. Trong những bước đầu, các đồ đệ duy nhất của nó là những người thấp kém, khiêm nhường, những người nô lệ được làm phấn khích bởi những lời hứa sẽ được thấy cuộc sống khốn khổ của mình trở nên một cõi vĩnh hằng đầy thú vui. Nhờ hiện tượng lây lan từ cơ sở đến cấp cao từng thấy không chỉ một lần trong lịch sử, học thuyết này rốt cuộc đã thấm vào các tầng lớp trên của dân tộc, nhưng phải mất một thời gian rất dài trước khi một vị hoàng đế tin vào tôn giáo mới khá phổ biến này để chấp nhận nó như một tôn giáo chính thống.

4. Những kết quả của các cuộc cách mạng chính trị

Khi một đảng giành thắng lợi, tất nhiên nó sẽ cố gắng tổ chức xã hội theo những lợi ích của mình. Như vậy, cách tổ chức xã hội sẽ khác nhau, tùy thuộc vào chỗ cuộc cách mạng ấy sẽ do các nhà binh, những người cấp tiến hay những người bảo thủ,... thực hiện. Những đạo luật và các thể chế mới sẽ phụ thuộc vào vào lợi ích của đảng giành thắng lợi và những giai cấp sẽ giúp đỡ đảng đó, như giới tăng lữ chẳng hạn.

Nếu chiến thắng có được sau những cuộc đấu tranh bạo lực, giống như vào thời điểm của cuộc Cách mạng Pháp, người chiến thắng sẽ gạt bỏ cả gói những công cụ của luật pháp cũ. Những người theo chế độ đã bị thất thế sẽ bị truy hại, trục xuất hoặc tiêu diệt.

Bạo lực tối đa trong tiến trình truy hại sẽ xảy ra, khi đảng giành chiến thắng, ngoài việc bảo vệ những lợi ích vật chất của mình, còn bảo vệ một tôn giáo. Khi đó, kẻ chiến bại không thể trông đợi một sự thương hại nào. Chính điều đó giải thích việc người Tây Ban Nha trục xuất những người Maures, hình phạt hỏa thiêu của tòa án dị giáo, sự tịch thu tài sản của Hội Quốc ước và những bộ luật mới đây chống lại các hội đoàn tôn giáo.

Uy quyền tuyệt đối mà kẻ chiến thắng tự gắn cho mình đôi khi dẫn họ tới những biện pháp cực đoan, chẳng hạn ngang ngược tuyên bố, giống như vào thời kỳ Hội Quốc ước, rằng vàng sẽ được thay thế bằng giấy, và rằng hàng hóa sẽ được bán theo giá do họ định ra,... Kẻ chiến thắng sẽ sớm vấp phải bức tường của sự nghèo túng không thể tránh được, điều sẽ khiến dư luận quay ra chống lại sự chuyên chế và sau cùng sẽ bỏ lại nó trong tình trạng bị tước hết vũ khí trước những cuộc tấn công, như đã từng xảy ra vào cuối cuộc Cách mạng của chúng ta. Đó cũng chính là điều đã xảy ra gần đây với một Nội các chính phủ xã hội Úc gồm hầu như toàn bộ thành viên là công nhân. Chính phủ này đã ban hành những đạo luật hết sức phi lý, dành cho các nghiệp đoàn những đặc quyền đến nỗi mà dư luận phải đứng lên đồng loạt chống lại và chỉ sau 3 tháng nó đã bị lật đổ.

Nhưng những trường hợp mà chúng tôi vừa liên hệ đều là ngoại lệ. Đại bộ phận các cuộc cách mạng được thực hiện để đưa lên ngôi một vị vua mới. Song, vị chúa tể này cũng biết rất rõ rằng điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của mình là không ưu ái quá mức cho một giai cấp duy nhất, mà phải cố gắng hòa giải tất cả. Để đạt đến điều đó, vị chúa tể này sẽ xây dựng một dạng cân bằng giữa các giai cấp, sao cho không một giai cấp nào vượt trội hẳn lên. Cho phép một giai cấp giữ địa vị thống trị cũng có nghĩa là tự buộc mình sớm phải coi nó như chúa tể. Đây là một trong những quy luật đáng tin cậy nhất của tâm lý học chính trị. Các ông vua của nước Pháp từng hiểu nó rất rõ, khi họ đấu tranh mạnh mẽ chống lại sự lấn tới trước hết là của giới quý tộc, tiếp sau là của giới tăng lữ. Nếu họ không làm như vậy, thì số phận của họ đã giống như của các hoàng đế Đức thời Trung cổ, những người đã bị chính các cha cố rút phép thông công, do vậy phải hạ mình thực hiện một cuộc hành hương, như Henri IV ở Canossa, để tới xin họ tha thứ một cách khúm núm.

Chính quy luật này đã luôn được kiểm chứng trong tiến trình lịch sử. Vào thời đoạn cuối của Đế chế La Mã, khi giai tầng chiến binh trở nên thống trị, các vị Hoàng đế đã phải phụ thuộc hoàn toàn vào những người lính, những người từng đưa họ lên ngôi và cũng đã từng phế truất họ theo ý thích của mình.

Như vậy là nước Pháp đã có một lợi thế lớn, vì được trị vì trong một thời gian dài bởi một vị vua gần như quân chủ tuyệt đối, được xem là đã duy trì quyền lực thiên chất của mình và do đó đã có uy lực đáng kể. Nếu không có một uy thế như vậy, chắc ông ta đã không thể bao quát được giới quý tộc phong kiến, giới tăng lữ và cả những Nghị viên. Nếu nước Ba Lan vào khoảng cuối thế kỷ XVI cũng có được một chế độ quân chủ tuyệt đối đáng kính nể, thì quốc gia này đã không bị suy đồi, biến mất trên bản đồ châu Âu.

Chúng tôi đã ghi nhận trong chương này rằng cách mạng chính trị có thể kéo theo những cải biến xã hội quan trọng. Chúng ta cũng sẽ sớm thấy những chuyển hóa mà cách mạng tôn giáo tạo ra nhỏ bé đến nhường nào.

Chương II. Những cuộc cách mạng tôn giáo

1. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu một cuộc cách mạng tôn giáo đối với việc tìm hiểu những cuộc cách mạng chính trị lớn

Một phần của công trình này sẽ được dành để trình bày về cuộc Cách mạng Pháp. Đó là một cuộc cách mạng đầy những bạo lực bắt nguồn một cách tự nhiên từ những nguyên nhân tâm lý.

Những sự kiện phi thường này luôn chứa đầy sự ngạc nhiên và thậm chí dường như không thể giải thích được. Tuy nhiên, chúng sẽ trở nên dễ hiểu, nếu ta chú ý rằng Cách mạng Pháp, trong khi tạo ra một tôn giáo mới, cũng từng phải tuân thủ những quy luật lan truyền của mọi tín ngưỡng. Khi đó, những sự cuồng nhiệt và những cuộc tàn sát trong cuộc cách mạng này sẽ trở nên rất dễ hiểu.

Khi nghiên cứu về một cuộc cách mạng tôn giáo lớn, chẳng hạn như Phong trào Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI, chúng ta sẽ thấy rằng số yếu tố tâm lý từng xuất hiện ở đấy cũng đã thể hiện rõ trong cuộc Cách mạng Pháp. Trong cả hai cuộc cách mạng người ta đều ghi nhận sự ảnh hưởng yếu ớt của giá trị thuần lý mà một tín ngưỡng ảnh hưởng tới sự truyền bá của nó, sự vô hiệu của việc truy hại, tính bất khả hữu của lòng vị tha giữa những tín ngưỡng đối nghịch nhau, bạo lực và những cuộc đấu tranh vô vọng sinh ra từ sự xung đột của những tín ngưỡng khác nhau. Chúng ta còn quan sát thấy ở đấy tình trạng một tín ngưỡng bị lợi dụng bởi những lợi ích rất biệt lập của chính tín ngưỡng ấy. Sau cùng, chúng ta còn thấy là không thể làm thay đổi niềm tin của con người mà lại không làm thay đổi đời sống của họ.

Một khi những hiện tượng này đã được xác nhận, ta sẽ thấy rõ vì sao mà những sách cơ bản của Cách mạng đã được lan truyền bằng chính những phương pháp lan truyền của mọi sách Phúc Âm tôn giáo, như của tôn giáo Calvin chẳng hạn. Có lẽ không thể có cách lan truyền nào khác.

Nhưng nếu có những sự tương đồng rõ rệt giữa nguồn gốc phát sinh của một cuộc cách mạng tôn giáo như Phong trào Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI với nguồn gốc của một cuộc cách mạng chính trị vĩ đại, như cuộc cách mạng Pháp, thì phần tiếp diễn xa xôi của chúng lại khá khác nhau, và điều đó giải thích thời gian tồn tại dài ngắn khác nhau của chúng. Trong những cuộc cách mạng tôn giáo, không một thực nghiệm nào có thể cho các tín đồ thấy được rằng họ bị nhầm lẫm, bởi vì họ phải lên tận trời cao mới biết được điều đó. Trong các cuộc cách mạng chính trị, cuộc thí nghiệm có thể cho thấy nhanh chóng sai lầm của các học thuyết và buộc người ta phải loại bỏ chúng đi.

Chính vì vậy mà vào cuối thời kỳ Đốc chính, việc ứng dụng những đức tin Jacobin đã đưa nước Pháp đến cảnh hoang tàn, nghèo khó bần cùng và vô vọng đến mức mà những người Jacobin dữ dằn nhất cũng đã phải tự mình từ bỏ hệ thống của chúng. Từ những luận thuyết của các tín ngưỡng này chỉ còn sót lại vài nguyên lý vốn không thể kiểm tra được bằng thực nghiệm, ví dụ như hạnh phúc toàn năng mà sự bình đẳng lẽ ra đã phải làm cho nó ngự trị ở xứ sở con người.

2. Những bước đầu tiên của Phong trào Cải cách tôn giáo và những tín đồ đầu tiên của nó

Cuộc Cải cách cuối cùng phải gây được ảnh hưởng sâu sắc tới tình cảm và tư tưởng đạo đức của nhiều người. Thủa ban đầu còn khiêm tốn, trước tiên nó chỉ là một cuộc đấu tranh đơn thuần chống lại sự lạm dụng của giới tăng lữ, và từ góc nhìn thực tế, nó là một sự trở lại với những giới điều của Phúc Âm. Nó chưa bao giờ là một khát vọng, ít ra là như người ta từng mong muốn, hướng tới sự tự do tư tưởng. Calvin cũng đã từng không khoan dung như Robespierre, và tất cả các nhà lý luận đương thời cho rằng tôn giáo của các thần dân cũng phải là tôn giáo của hoàng đế cai trị họ. Trong tất cả các nước, nơi mà cuộc Cải cách tôn giáo thực tế được thiết lập, nhà vua đã thay thế cha cố La Mã với quyền uy tương tự.

Do không có quảng cáo và các phương tiện thông tin liên lạc, tín ngưỡng mới đã được truyền bá lúc đầu khá chậm chạp ở Pháp. Chính là vào năm 1520, Luther đã tuyển mộ được một số tín đồ, và mãi tới năm 1535 tín ngưỡng này mới được truyền bá đủ rộng để người ta cho là cần phải thiêu chết những đệ tử của nó.

Theo một quy luật logic học khá nổi tiếng, những cuộc hành hình chỉ tạo thêm thuận lợi cho sự truyền bá của Cuộc Cải cách. Những tín đồ đầu tiên của nó là những giáo sỹ và những quan tòa, nhưng chủ yếu vẫn là những người thợ thủ công không tên tuổi. Việc cải đạo của họ được tiến hành chủ yếu bằng con đường lây truyền tinh thần và ám thị.

Kể từ khi một tín ngưỡng mới lan truyền, người ta thấy tụ tập xung quanh nó nhiều người tuy thờ ơ với nó, nhưng lại tìm thấy ở đó cái cớ để thỏa mãn những đam mê và sự thèm muốn của họ. Hiện tượng này đã được quan sát thấy vào thời điểm của Cuộc Cải cách tại nhiều nước, cụ thể là tại Đức và Anh. Do được Luther chỉ ra rằng tầng lớp tăng lữ không cần của cải, các lãnh chúa Đức đã thấy một tôn giáo thật tuyệt, vì nó cho phép họ chiếm đoạt tài sản của nhà thờ. Henri VIII cũng đã làm giàu nhờ một hành động tương tự. Những ông vua thường bị làm khổ bởi các cha cố nói chung chỉ có thể nhìn một học thuyết bằng con mắt tán thưởng, vì nó bổ sung thêm vào quyền lực chính trị của họ cả quyền lực tôn giáo và biến mỗi người trong số họ thành một cha cố. Không hề có ý định giảm sự chuyên chế của các thủ lĩnh, cuộc Cải cách tôn giáo, do vậy, chỉ càng thổi phồng thêm nó.

3. Gíá trị hợp lý của những luận thuyết thuộc Phong trào Cải cách tôn giáo

Phong trào Cải cách tôn giáo đã đảo lộn Châu Âu và suýt làm đổ nát nước Pháp mà nó đã biến thành bãi chiến trường trong suốt 50 năm. Chưa bao giờ một nguyên nhân, dưới góc nhìn hợp lý, không đáng kể đến vậy lại gây ra được những hiệu ứng lớn đến thế.

Đó là một trong vô số chứng cứ cho thấy rằng các tín ngưỡng lan truyền ngoài vòng mọi lý lẽ. Các luận thuyết thần học, trước hết là luận thuyết Calvin, khi đó từng khuấy động mạnh mẽ tâm hồn con người đến vậy, xét theo logic hợp lý, đều không đáng được kiểm nghiệm.

Rất lo lắng về sự cứu rỗi bản thân, trong khi phải nhận một nỗi sợ hãi quá mức từ quỷ dữ mà giáo sỹ rửa tội cũng không thể xoa dịu nổi, Luther đã phải tìm những phương tiện đáng tin cậy nhất để làm vừa lòng Chúa Trời nhằm tránh khỏi địa ngục. Sau khi bắt đầu bằng việc từ chối quyền bán sự xá tội của Giáo hoàng, ông ta đã phủ định hoàn toàn quyền lực của giáo sỹ và cả của Nhà thờ, lên án các thủ tục tôn giáo, việc xưng tội, việc tôn thờ các vị thánh, và đã tuyên bố rằng những người công giáo không cần phải theo những quy tắc đạo đức nào khác với Kinh thánh. Tuy nhiên, ông vẫn cho rằng người ta không thể được cứu rỗi mà không nhờ đến sự ban phước của Chúa Trời.

Lý thuyết sau cùng này với tên gọi là thuyết tiền định, còn đôi chút mông lung với Luther, đã được Calvin xác định rõ, và đã dùng làm nền cho chính một luận thuyết mà đến nay phần lớn những tín đồ đạo Tin Lành vẫn còn tuân thủ. Theo ông “Từ muôn đời, Chúa Trời đã định trước một số người phải bị thiêu, số khác lại được cứu rỗi”. Tại sao lại có sự bất công quỷ quái này? đơn giản “vì đây là ý muốn của Chúa Trời”.

Như vậy là, theo Calvin, người chỉ phát triển thêm một số điều quyết đoán của thánh Augustin, một Chúa Trời toàn năng mua vui cho mình bằng cách tạo ra những sinh linh đơn giản là để gửi xuống thiêu nơi trần gian suốt muôn đời mà không quan tâm đến hành động cũng như những công lao của họ! Thật là kỳ diệu khi một sự phi lý gây phẫn nộ đến vậy đã chinh phục được những tâm hồn suốt một thời gian dài đến thế và vẫn đang còn chinh phục rất nhiều nữa.

Tâm lý của Calvin không phải không có quan hệ gì với tâm lý của Robespierre. Cũng như Robespierre, người nắm được chân lý thuần khiết, ông ta đã gửi cho thần chết những ai không chia sẻ những luận thuyết của mình. Ông cam đoan rằng Chúa Trời muốn “người ta hi sinh toàn bộ loài người, khi phải cân nhắc vấn đề đấu tranh vì sự vinh quang của Người”.

Trường hợp của Calvin và những đồ đệ của ông ta cho thấy các sự vật xét về thuần lý mâu thuẫn với nhau bậc nhất lại có thể tự hòa giải một cách hoàn hảo trong những bộ óc bị thôi miên bởi một tín ngưỡng. Trong con mắt của logic hợp lý, dường như không thể đặt một đạo đức vào lý thuyết của thuyết định mệnh, vì mọi người, dù họ làm gì đi nữa, tin chắc rằng đều được cứu vớt hoặc bị đày xuống địa ngục. Vậy mà Calvin không hề gặp khó khăn nào trong việc tạo ra một đạo đức hết sức nghiêm khắc trên một nền tảng hoàn toàn phi logic. Tự coi mình là những người được Chúa Trời lựa chọn, những tín đồ của ông ta đã tỏ ra cao ngạo quá mức bởi ý thức về phẩm cách của mình, đến nỗi họ tin là được chỉ định để làm mẫu mực thông qua hành vi đạo đức của họ.

4. Sự lan truyền của cuộc Cải cách

Tín ngưỡng mới đã lan truyền không phải bằng những cuộc thảo luận, càng không phải bằng sự lập luận, mà là bằng cơ thức được mô tả trong công trình trước, nghĩa là bởi ảnh hưởng của sự khẳng định, của sự lặp lại, của sự lây truyền tinh thần và của uy thế. Những tư tưởng cách mạng đã được lan truyền sau đó ở Pháp cũng theo cách ấy. Những sự truy hại được chúng tôi nhắc tới ở trên chỉ càng tạo thêm thuận lợi cho sự lan truyền này. Mỗi cuộc hành hình đều đã dẫn tới những sự cải đạo mới, như từng thấy trong những thời kỳ đầu của Cơ Đốc giáo. Anne Du Bourg, cố vấn của Quốc hội, bị kết tội thiêu sống, vừa đi tới giàn thiêu vừa cổ vũ đám đông cải đạo. “Sự kiên cường của ông, theo lời kể của một người chứng kiến, đã tạo ra từ những người trẻ tuổi trong trường học nhiều người theo đạo Tin lành hơn cả những quyển sách của Calvin.”

Để ngăn cản những người bị hành hình nói chuyện với dân chúng, người ta đã cắt lưỡi của họ trước khi đưa đi thiêu sống. Nỗi ghê sợ của khổ hình còn được nhấn mạnh thêm bằng việc buộc các nạn nhân vào một sợi xích sắt để có thể đẩy họ vào giàn thiêu rồi lại kéo ra nhiều lần.

Nhưng không gì có thể khiến cho những tín đồ Tin lành chối bỏ tín ngưỡng mới, kể cả khi người ta hứa sẽ ân xá, sau khi đã cho họ cảm thấy hơi lửa.

Vào năm 1535, François đệ nhất, sau khi từ bỏ sự khoan dung tôn giáo thứ nhất, đã ra lệnh châm lửa cùng một lúc 6 giàn thiêu tại Paris. Còn Hội Quốc ước, như ta đã biết, chỉ giới hạn dùng một cỗ máy chém tại thành phố này. Có khả năng nỗi đau khổ của các nạn nhân không chắc là quá đau đớn. Người ta cũng đã từng nhận thấy tính dửng dưng của các tử sỹ Cơ Đốc giáo. Các tín đồ bị thôi miên bởi tín ngưỡng của họ, và ngày nay chúng ta biết có một số dạng thôi miên làm người ta mất cảm giác hoàn toàn.

Tín ngưỡng mới đã tiến triển nhanh chóng. Năm 1560 đã có 2 000 nhà thờ được cải cách tại Pháp và có nhiều lãnh chúa lớn lúc đầu khá dửng dưng đã trở nên tán đồng luận thuyết này.

5. Sự xung đột giữa những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Tính bất khả hữu của sự khoan dung tôn giáo

Tôi đã từng nhắc lại rằng sự không khoan dung bao giờ cũng đi kèm với những tín ngưỡng mạnh. Những cuộc cách mạng tôn giáo và chính trị đã cung cấp rất nhiều bằng chứng cho nhận xét này, và chúng tôi cũng chỉ ra rằng sự không khoan dung giữa các môn đệ của những tôn giáo gần gũi nhau còn lớn hơn nhiều so với giữa những người bảo vệ cho những tín ngưỡng xa nhau, ví dụ như đạo Hồi và đạo Cơ Đốc. Thực ra, nếu chúng ta xem xét những tôn giáo đã làm cho nước Pháp bị vò xé trong khoảng thời gian dài đến thế, chúng ta sẽ thấy chúng chỉ khác về tiểu dị. Cả Cơ Đốc lẫn Tin Lành đều yêu tha thiết cùng một Đức Chúa Trời và chỉ khác nhau về cách thức yêu mà thôi. Nếu lý trí đã chỉ đóng vai trò rất nhỏ bé trong việc xây dựng nên tín ngưỡng của họ, thì nó lại dễ dàng chỉ ra rằng Đức Chúa Trời khá dửng dưng trước việc các tín đồ yêu mình theo cách này hay cách khác.

Vì lý trí không thể gây ảnh hưởng đến não bộ của các tín đồ, nên những người Tin Lành và Cơ Đốc đã vẫn tiếp tục tranh đấu với nhau một cách tàn bạo. Tất cả những cố gắng của các vị vua nhằm hòa giải họ đều không đem lại kết quả. Catherine de Médicis, khi nhìn thấy mỗi ngày phe cải cách lại thêm lớn mạnh bất chấp mọi nỗi thống khổ và lôi cuốn vào hàng ngũ của mình một lượng đáng kể những nhà quý tộc và các quan chức chính quyền, đã mường tượng là mình có thể giải giáp họ bằng cách triệu tập một hội nghị các giám mục và các mục sư tại Poissy vào năm 1561 nhằm hợp nhất cả 2 luận thuyết. Một mưu chước như vậy cho thấy nữ hoàng thiếu hiểu biết đến chừng nào các quy luật của logic thần bí. Người ta sẽ không thể dẫn ra trong lịch sử ví dụ về một tín ngưỡng bị thu hẹp bằng con đường viện dẫn chứng cứ bác bỏ. Catherine de Médicis cũng không biết rằng nếu lòng khoan dung suy đến cùng còn có thể có được giữa những cá thể, thì nó lại không thể hiện thực hóa được giữa các cộng đồng. Mưu toan của bà đã bị phá sản hoàn toàn. Những nhà thần học được mời đến họp mặt đã nói thao thao bất tuyệt về những đoạn trích từ kinh thánh và những sự bất công, nhưng không một ai bị lung lay. Khi đó Catherine tin rằng tốt nhất là công bố một chỉ dụ, năm 1562, cho phép những người Tin Lành quyền tụ tập để công khai ca tụng sự tôn thờ của mình.

Sự rộng lượng này mặc dù rất đáng khuyến khích trên quan điểm triết học, nhưng không mấy sáng suốt về phương diện chính trị, không thể đưa đến kết quả nào khác hơn là làm cho cả hai bên bực tức thêm. Tại miền Nam, nơi mà phái Tin Lành mạnh hơn cả, họ truy hại những người Cơ Đốc, mưu toan bắt họ phải cải đạo bằng bạo lực, cắt cổ họ nếu không đạt được ý muốn và cướp bóc các nhà thờ của họ. Tại những khu vực mà phái Cơ Đốc đông hơn, thì những người Cải cách cũng phải chịu những sự truy hại tương tự.

Những sự thù địch như vậy tất yếu phải dẫn đến nội chiến. Chính do vậy đã nảy sinh những cuộc chiến tranh gọi là chiến tranh tôn giáo khiến cho nước Pháp đẫm máu suốt một thời gian dài. Những thành phố hoang tàn, vô số dân thường bị tàn sát và cuộc chiến đấu đã nhanh chóng được phủ màu tàn bạo dã man đặc trưng cho những cuộc xung đột tôn giáo hoặc chính trị mà chúng ta sẽ thấy lại ở phần sau, trong những cuộc chiến tranh của vùng Vendée.

Người già, phụ nữ, trẻ em, tất cả đều bị giết hại. Một lãnh chúa nào đó ở Oppede, chủ tịch quốc hội đầu tiên của xứ Aix đã tạo một mẫu hình qua việc ra lệnh giết trong khoảng thời gian 10 ngày với độ tàn ác đến mức tinh vi 3 000 người và triệt hạ 3 thành phố cùng 22 ngôi làng. Montluc, tổ tiên đáng kính của Carrier, đã sai chôn sống những người theo phái Calvin xuống giếng cho đến khi giếng đầy. Những người Tin Lành cũng không mềm mỏng hơn. Họ thậm chí đã không tha những nhà thờ Cơ Đốc và đã đối xử với những ngôi mộ cùng các bức tượng hoàn toàn giống như các đại biểu của Hội Quốc ước sau này sẽ phải đối xử với những ngôi mộ hoàng gia ở Saint-Denis. Do ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh này, nước Pháp dần dần tan rã và đến giai đoạn cuối của triều đại Henry III, nó đã được chia thành những nước cộng hòa thành phố hợp bang thực sự nhỏ bé, tạo ra vô số quốc gia có chủ quyền. Quyền lực hoàng gia suy tàn. Các Nhà nước Blois công khai áp đặt tham vọng của mình cho vua Henry III khi đó đã chạy trốn khỏi thủ đô. Năm 1577, lữ khách Lippomano đi xuyên qua nước Pháp đã nhìn thấy các thành phố lớn như Orleans, Blois, Tours, Poitiers hoàn toàn bị tàn phá, các giáo đường và nhà thờ đổ nát, những ngôi mộ bị đập nát, vv. Đó là những nét đại thể về tình trạng của Pháp vào giai đoạn cuối Thời kỳ Đốc chính.

Trong các sự kiện của thời kỳ đó, có một sự kiện để lại kỷ niệm đen tối nhất, mặc dù có thể chưa phải là sự kiện giết chóc nhiều nhất, là vụ thảm sát ở Saint Barthelemy năm 1572, mà theo các sử gia, được thực hiện theo lệnh của Catherine de Medicis và Charles IX.

Không cần phải dùng tới một tâm lý học thật sâu để hiểu rằng không một vị vua nào lại có thể ra lệnh thực hiện một sự kiện như vậy. Saint-Barthelemy không phải là một tội ác của hoàng gia, mà là một tội ác do dân chúng gây nên. Catherine de Medicis, vì tin rằng sự tồn tại của mình và của nhà vua bị đe dọa bởi một âm mưu do bốn hoặc năm nhà lãnh đạo Tin Lành khi đó ở Paris chỉ huy, nên đã đem giết họ tại quê nhà theo những thủ tục đơn sơ thời ấy. Vụ thảm sát xảy ra sau đó đã được ông Batiffol giải thích rất tốt bằng những lời lẽ như sau:

“Với việc công bố những gì đã xảy ra, tin đồn lan truyền ngay lập tức khắp Paris rằng người ta đã tàn sát những nhà quý tộc Công giáo theo giáo phái Calvin, những người lính vệ binh, cảnh sát và cả người dân, mọi người đổ xô ra đường với vũ khí trong tay tham gia vào việc hành hình, và cuộc thảm sát tràn lan đã bắt đầu với tiếng la hét dữ dội “hãy xông vào bọn theo giáo phái Calvin, giết, giết!” Người ta đập chết, dìm chết, người ta treo cổ. Những gì diễn ra giống như thể một cơn lốc dị giáo tràn qua đây. 2.000 người đã bị giết tại Paris.”

Bằng con đường lây lan, dân chúng ở các tỉnh đã bắt chước sự kiện Paris và đã có từ sáu đến tám ngàn người Tin Lành bị tàn sát.

Khi thời gian đã hạ nhiệt đôi chút những thiên kiến tôn giáo, tất cả các nhà sử học, thậm chí cả những nhà sử học Cơ Đốc, cảm thấy buộc phải tỏ rõ sự phẫn nộ đối với Saint-Barthelemy. Bằng cách đó họ đã cho thấy những khó khăn trong việc dùng tâm tính của một thời đại này để tìm hiểu tâm lý của một kỷ nguyên khác.

Thực vậy, không những chưa từng bị chỉ trích, vụ Saint Barthelemy còn làm dấy lên một cảm hứng khôn tả trên toàn châu Âu Cơ đốc giáo. Philip II đã vui khôn xiết khi nhận tin này, và vị vua của nước Pháp thậm chí nhận được nhiều lời chúc tụng hơn cả việc giả sử ông chiến thắng một trận chiến lớn.

Tuy nhiên, chính Đức Giáo Hoàng Gregory XIII là người đã thể hiện sự hài lòng sinh động nhất. Ông đã ra lệnh cho chế tác một mẫu huy chương để kỷ niệm sự kiện may mắn này, thắp lên ngọn lửa vui mừng, bắn đại bác, dự nhiều lễ nhà thờ và cho mời họa sĩ Vasari vẽ trên các bức tường của Vatican những cảnh tàn sát chính, sau đó gửi đến nhà vua Pháp một đại sứ với nhiệm vụ chúc mừng nhiệt liệt hành động tốt của nhà vua. Chính là nhờ những chi tiết lịch sử với bản chất như vậy mà chúng ta có thể hiểu được tâm tính của các tín đồ. Những người Jacobin của Trào lưu Khủng bố đã có một tâm lý khá gần gũi với của Gregory XIII.

Đương nhiên là những người Tin lành không thờ ơ trước một cuộc tàn sát như vậy và họ đã đạt được những tiến bộ đến mức mà năm 1576 Henry III đã xuống thang, ban hành Sắc lệnh Beaulieu để dành cho họ quyền tự do hoàn toàn thờ phụng, tám cứ điểm và tại các nghị viện tổ chức các Ủy ban gồm một nửa là người Cơ Đốc giáo và một nửa là người theo giáo phái Calvin.

Những nhượng bộ mang tính cưỡng bức này cũng không đem lại sự bình yên. Một liên minh công giáo đã được thành lập do công tước de Guise đứng đầu và những trận chiến vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, cuộc chiến không thể kéo dài mãi mãi. Chúng ta đều biết Henry IV đã chấm dứt được tình trạng này trong một thời gian tương đối dài bằng việc từ bỏ những luận thuyết cải cách vào năm 1593 và ban bố Sắc lệnh Nantes.

Cuộc chiến đã dịu bớt nhưng không chấm dứt. Dưới thời Louis XIII, những người Tin Lành vẫn còn gây xáo động và năm 1627 Richelieu đã buộc phải vây hãm thành La Rochelle, khiến cho15.000 người Tin Lành đã chết. Với thiên tư chính trị nhiều hơn là tôn giáo, vị Hồng Y danh tiếng này về sau đã tỏ ra rất khoan dung đối với những người cải cách.

Sự khoan dung này đã không thể kéo dài. Những tín ngưỡng đối lập nhau không thể đối diện với nhau mà không cố tìm cách tiêu diệt nhau, ngay từ lúc mà bên này cảm thấy đủ lực để thống trị bên kia. Dưới thời Louis XIV, nhiều người Tin Lành trở nên yếu thế nhất đã bị buộc phải từ bỏ mọi cuộc tranh đấu và sống cuộc sống hòa bình. Số lượng của họ là khoảng 1.200.000 với hơn 600 nhà thờ do khoảng 700 mục sư phục vụ. Sự hiện diện của những phái dị giáo này trên đất Pháp là không thể chấp nhận được đối với giới Giáo sĩ Công giáo, nên để chống lại, họ đã sử dụng những cách quấy rối khác nhau. Nhưng vì kết quả không đáng kể, nên vào năm 1685 Louis XIV đã phải dùng đến biện pháp khủng bố đạo Tin Lành của long kỵ binh, gây ra cái chết của nhiều người, song cũng không thành công. Đã đến mức phải sử dụng những biện pháp tối hậu. Do áp lực của giới tăng lữ, đặc biệt là của Bossuet mà Sắc lệnh Nantes đã bị hủy bỏ và những người Tin lành buộc phải cải đạo hoặc phải rời khỏi nước Pháp. Cuộc di cư bi thảm này đã diễn ra trong một thời gian dài và người ta ước tính rằng nước Pháp đã mất đi 400.000 cư dân tràn đầy nghị lực, bởi vì đây là những người đã can đảm đặt lương tâm lên trên lợi ích của mình.

6. Kết quả của những cuộc cách mạng tôn giáo

Nếu chỉ phán xét các cuộc cách mạng tôn giáo qua lịch sử đen tối của Phong trào Cải cách, người ta sẽ lầm tưởng rằng chúng thật là bi thảm. Nhưng không phải vai trò của mọi cuộc cách mạng tôn giáo đều giống nhau và tác động khai hóa văn minh của nhiều trong số đó là đáng kể.

Bằng việc tạo ra sự thống nhất về đạo đức cho một dân tộc, chúng đã làm tăng đáng kể sức mạnh vật chất của dân tộc ấy. Chính điều đó đã được thấy rõ, khi một tín ngưỡng mới do Mahomet đem tới đã biến những bộ lạc nhỏ bé và bất lực của xứ Arập thành một dân tộc thực sự đáng gờm.

Tín ngưỡng tôn giáo mới này không chỉ giới hạn ở việc làm cho một dân tộc trở nên thuần nhất. Nó đã đạt được điều mà không một triết thuyết hay một đạo luật nào có thể đạt được, đó là đã làm thay đổi đáng kể một thứ hầu như bất khả biến đổi: tâm tính của một chủng tộc.

Chúng ta có thể nhận ra điều đó ở thời điểm mà một cuộc cách mạng tôn giáo mạnh mẽ nhất từng được lịch sử ghi lại đã lật đổ một tôn giáo đa thần để thay bằng Thiên Chúa theo quan niệm của cư dân vùng đồng bằng Galilê thuộc xứ Palestin. Lý tưởng mới này đòi hỏi sự từ bỏ mọi niềm vui trần tục để đổi lấy cuộc sống cực lạc vĩnh cửu nơi thiên đường. Đương nhiên là một lý tưởng như vậy đã được dễ dàng chấp nhận bởi những người nô lệ, người nghèo, những người bị tước đoạt mất mọi niềm vui nơi trần thế, những người được hứa hẹn về một tương lai quyến rũ thay cho cuộc sống vô vọng. Nhưng lối sống khắc khổ ấy đã được cả người nghèo cũng như người giàu dễ dàng chấp nhận và điều đó thể hiện trước hết chính là sức mạnh của một đức tin mới.

Cuộc cách mạng Kitô giáo không chỉ làm biến đổi phong tục tập quán, mà còn gây ảnh hưởng nổi trội suốt 2000 năm qua tới nền văn minh. Ngay khi một niềm tin tôn giáo chiến thắng, thì mọi yếu tố hợp phần của nền văn minh sẽ phải chuyển hóa để thích ứng một cách tự nhiên, và do vậy nền văn minh ấy sẽ sớm được chuyển đổi. Các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, nghệ sĩ, triết gia chỉ đơn thuần biểu trưng hóa những ý tưởng của tín ngưỡng mới ấy trong các tác phẩm của mình.

Khi một đức tin tôn giáo hoặc chính trị nào đó đã toàn thắng, thì không những lý tính không thể gây ảnh hưởng gì đến nó, mà chính nó lại luôn tìm ra những lý do để luận giải, biện minh và ra sức áp đặt lý lẽ đó. Có lẽ số lượng những người thuyết giáo và những nhà thần học lúc ấy cũng phải ngang với thời đại Moloch (một vị thần mạo xưng của xứ Tây Á đã từng được người ta hiến sinh nhân mạng - ND) để chứng minh tính hữu ích của việc hiến sinh nhân mạng như đã từng diễn ra vào những thời đại khác nhằm tôn vinh Toà án dị giáo, Saint-Barthelemy và những cuộc thảm sát trong thời kỳ Khủng Bố (từ 9-1793- đến 7-1794 - ND).

Không nên trông chờ quá nhiều rằng các dân tộc chủ sở hữu của những tín ngưỡng mạnh sẽ dễ dàng vươn tới sự khoan dung. Những dân tộc duy nhất đã đạt tới điều đó trong thời cổ đại đều là những dân tộc theo tín ngưỡng đa thần. Những quốc gia đang thực hành nó trong thời hiện đại thực chất cũng có thể xem như là đa thần, bởi vì ở đấy, chẳng hạn như tại Anh Quốc và Hoa Kỳ, đều có vô số những giáo phái khác nhau. Những cái tên giống nhau, nhưng trên thực tế họ lại tôn thờ những vị thần khá là khác nhau. Sự đa dạng về tín ngưỡng là nhân tố tạo ra sự khoan dung rốt cuộc cũng là nhân tố tạo ra điểm yếu của họ. Như vậy, chúng ta đang đứng trước một vấn đề tâm lý học cho đến nay vẫn chưa được giải quyết, đó là việc sở hữu một tín ngưỡng vừa mạnh lại vừa khoan dung.

Đoạn phân tích ngắn gọn trên đây đã cho thấy vai trò khá quan trọng của các cuộc cách mạng tôn giáo và sức mạnh của các tín ngưỡng. Dù cho giá trị lý tính của chúng yếu ớt, nhưng chúng đều đã dẫn dắt lịch sử và không để cho các dân tộc biến thành một đám mây bụi gồm những cá thể rời rạc và không có sức mạnh. Con người cần tín ngưỡng ở mọi lứa tuổi để định hướng tư duy và hướng dẫn hành vi của mình. Cho đến nay, vẫn không có một triết thuyết nào có thể thay thế được nó.

Chương III. Vai trò của các chính phủ trong các cuộc cách mạng

1. Sự kháng cự yếu ớt của các chính phủ trong các cuộc cách mạng

Nhiều quốc gia hiện đại như Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ, Ý, Áo, Ba Lan, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha, vv., từ một thế kỷ qua đã từng phải nếm trải cách mạng. Những cuộc cách mạng này đều có đặc điểm chung nhất là tính tức thời và sự dễ dàng bị lật đổ của các chính phủ bị tấn công.

Tính tức thời được giải thích khá tốt bởi tốc độ lây lan về tinh thần nhờ những công cụ hiện đại của quảng cáo. Sự kháng cự yếu ớt của các chính phủ còn đáng kinh ngạc hơn. Thực vậy, nó ngụ ý một sự bất lực toàn diện của các chính phủ dẫn tới tình trạng không hiểu và không dự đoán trước được bất cứ điều gì mà nguyên nhân là sự tin tưởng mù quáng vào sức mạnh của họ.

Sự dễ dàng bị lật đổ của các chính phủ bị tấn công thực ra không phải là một hiện tượng mới. Nó đã hơn một lần được ghi nhận, không chỉ trong các chế độ chuyên chế thường bị lật đổ bằng những cuộc mưu phản nơi cung đình, mà cả đối với những chính phủ được thông tin tường tận về hiện trạng của dư luận qua báo chí và qua những điệp viên của mình.

Trong số những cuộc sụp đổ tức thời ấy có một sự kiện gây ấn tượng nhất là sự lật đổ bắt nguồn từ những Pháp lệnh của Charles X. Vị vua này, như chúng ta biết, bị lật đổ chỉ trong vòng bốn ngày. Vị bộ trưởng tên là Polignac đã không thực hiện bất cứ một biện pháp phòng thủ nào, còn nhà vua thì tin vào sự bình an của Paris đến mức vẫn vào rừng đi săn. Quân đội không hề thù địch gì với nhà vua, cũng giống như trong thời Louis XVI, nhưng các đạo quân không được chỉ huy tốt đã rời rạc tan tác trước sự tấn công của một số phần tử nổi dậy.

Cuộc lật đổ Louis-Philippe còn điển hình hơn nữa, bởi vì nó không xuất phát từ bất cứ một hành động chuyên chế nào của nhà vua. Vị vua này không hề bị hận thù như những gì đã diễn ra với Charles X, và sự sụp đổ của ông chỉ là hậu quả của cuộc nổi loạn nhỏ bé lẽ ra có thể dập tắt được dễ dàng.

Các nhà sử học cảm thấy khó hiểu, khi một chính phủ được thiết lập vững chắc, có quân đội hùng mạnh, lại có thể bị lật đổ bởi một dúm những phần tử nổi loạn, nên đương nhiên đã gán cho sự sụp đổ của Louis-Philippe những nguyên nhân sâu xa. Nhưng trên thực tế sự bất lực của các tướng lĩnh chịu trách nhiệm bảo vệ ông mới là lý do thực sự.

Vì đây là một trong những trường hợp bổ ích nhất mà ta có thể trích dẫn, nên nó xứng đáng để ta dừng lại đôi chút. Nó đã được tướng Bonnal nghiên cứu cặn kẽ, theo những ghi chép của một nhân chứng mục kích là tướng de Elchingen. Một đạo quân tới 36.000 người khi đó có mặt tại Paris, nhưng sự bất lực và yếu kém của các cấp chỉ huy đã cản trở việc huy động. Những phản lệnh đã nối tiếp nhau, rồi sau cùng người ta đã cấm các binh sĩ bắn vào dân chúng, và ngoài ra còn cho phép đám đông trà trộn với các binh sĩ, một điều không gì có thể nguy hiểm hơn. Cuộc nổi loạn đã toàn thắng, mà không cần chiến đấu và đã bức nhà vua thoái vị.

Áp dụng những nghiên cứu trước đây của chúng tôi về tâm lý học đám đông vào trường hợp trên, tướng Bonnal cho thấy một cuộc nổi loạn đã có thể thắng thế và lật đổ được Louis-Philippe dễ dàng biết chừng nào. Trước hết nó chứng tỏ rằng nếu các cấp chỉ huy đã không mất trí hoàn toàn, thì chỉ cần một đội quân rất nhỏ bé cũng đã có thể ngăn cản được những người nổi loạn xâm nhập vào Nghị viện. Nghị viện ấy với thành viên gồm những người theo chủ nghĩa quân chủ chắc chắn là đã có thể đưa bá tước vùng Paris lên ngôi vua với sự nhiếp chính của bà mẹ.

Những sự kiện tương tự cũng đã xảy ra trong các cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Những sự thật này cho thấy vai trò của các tình huống vụn vặt đi kèm trong những sự kiện lớn và chứng minh rằng chúng ta không nên nói quá nhiều về những quy luật chung của lịch sử. Nếu không có vụ bạo loạn lật đổ Louis-Philippe, chúng ta có lẽ sẽ không bao giờ có được nền Cộng hòa năm 1848, cũng không có Đế chế Thứ hai, không cả vụ Sedan, không có cuộc xâm lấn cũng như không bị mất vùng Alsace.

Trong những cuộc cách mạng mà tôi vừa nhắc tới, quân đội không hỗ trợ được gì, nhưng cũng không quay sang chống lại chính phủ. Đôi khi cũng có thể diễn ra theo cách khác. Chính quân đội lại thường là lực lượng làm cách mạng, như các trường hợp của Bồ Đào Nha và Thổ Nhĩ Kỳ. Cũng chính lực lượng quân đội đã thực hiện vô số sự chuyển hóa của các nước cộng hòa thuộc châu Mỹ Latinh.

Khi một cuộc cách mạng được thực hiện bởi giới quân sự thì các nhà lãnh đạo mới đương nhiên bị phụ thuộc vào họ. Ở trên tôi đã nhắc lại rằng vào thời kỳ kết thúc của Đế chế La Mã, điều này đã xảy ra khi các hoàng đế bị những người lính lật đổ.

Hiện tượng này thỉnh thoảng cũng xảy ra trong thời hiện đại. Đoạn trích sau đây từ một tờ báo về cuộc cách mạng Hy Lạp cho thấy những gì khiến một chính phủ bị quân đội của mình khống chế.

“Một hôm người ta thông báo rằng 80 sĩ quan hải quân sẽ từ chức nếu chính phủ không buộc những nhà lãnh đạo đã bị họ kết án nghỉ hưu. Một ngày khác, chính những nông dân làm thuê ở một trại lĩnh canh của hoàng gia đã yêu cầu phân chia lại đất. Hải quân phản đối việc thăng chức đã hứa cho Đại tá Zorbas. Đại tá Zorbas, sau một tuần thương lượng đàm phán với trung úy Typaldos, đang đối đầu bằng sức mạnh với Chủ tịch Hội đồng. Trong thời gian này, Liên đoàn nghiệp hội đang lên án các sĩ quan hải quân. Một dân biểu yêu cầu đối xử với những sĩ quan này và gia đình của họ như những kẻ bất lương. Khi thuyền trưởng Miaoulis bắn vào quân nổi dậy, các thủy thủ, trước đó từng tuân theo trung úy Typaldos, đã trở lại với nhiệm vụ. Đây không còn là nước Hy Lạp hài hòa của Pericles và Themistocles. Đây đúng là một trại Agramant gớm ghiếc”.

Một cuộc cách mạng không thể xảy ra mà không có sự hỗ trợ hoặc ít ra là thái độ trung lập của quân đội, nhưng thông thường hơn cả là phong trào này khởi phát bên ngoài quân đội.

Đó là trường hợp của các cuộc cách mạng 1830 và 1848, rồi tiếp theo là 1870, dẫn đến sự lật đổ Đế chế bắt nguồn từ nỗi sỉ nhục đau buồn tại Pháp gắn với sự kiện đầu hàng ở Sedan.

Phần lớn các cuộc cách mạng bắt đầu diễn ra ở thủ đô rồi lan tỏa ra khắp đất nước theo con đường lan truyền; nhưng đó không phải là một quy luật hằng định. Chúng ta đều biết rằng trong tiến trình Cách mạng Pháp, các vùng Vendée, Bretagne và Miền Nam từng nổi dậy chống lại Paris một cách tự phát.

2. Sự kháng cự của các chính phủ có thể chiến thắng cách mạng như thế nào.

Trong hầu hết những cuộc cách mạng được liệt kê ở trên, chúng ta đã thấy các chính phủ đều bị tan rã do sự yếu ớt của họ. Chúng đều sụp đổ ngay khi bị người ta tấn công. Cuộc cách mạng Nga lại chứng minh rằng nếu chính phủ biết tự vệ một cách mạnh mẽ, thì có thể giành chiến thắng.

Chưa có bao giờ cách mạng lại đe dọa một chính phủ đến như vậy. Sau những thảm họa phải gánh chịu tại miền Đông và do những biện pháp cứng rắn của một chế độ độc đoán quá ngột ngạt, tất cả mọi giai tầng xã hội, bao gồm cả một phần quân đội và hải quân đã vùng lên.

Đường sắt, bưu điện, điện tín đã đình công, hoạt động giao thông liên lạc giữa các bộ phận khác nhau của đế chế khổng lồ này bị gián đoạn.

Các tầng lớp ở nông thôn, vốn chiếm phần đa số trong dân cư, đến lượt mình cũng bắt đầu chịu ảnh hưởng của bộ máy tuyên truyền cách mạng. Cuộc sống của người nông dân, vả chăng, cũng khá là khốn khổ. Họ bị ép buộc phải canh tác trên đất theo hệ thống Mir, nhưng lại không có quyền sở hữu nó. Chính phủ đã quyết định ngay lập tức tìm cách tranh thủ giai tầng nông dân đông đảo này bằng cách chuyển hóa họ thành những chủ sở hữu đất. Chính phủ đã ban hành những luật chuyên biệt buộc các địa chủ bán cho nông dân một phần đất đai tài sản của mình và lập các nhà băng với một lượng vốn cần thiết cho người mua đất vay để thanh toán. Tiền cho vay phải được hoàn trả hằng năm bằng những lượng nhỏ trích từ số tiền thu được qua việc bán các nông sản.

Sau khi được đảm bảo về sự trung lập của người nông dân, chính phủ đã có thể chiến đấu chống lại những kẻ cuồng tín từng đốt cháy thành phố, đánh bom những đám đông và đã cố thực hiện một cuộc chiến không khoan nhượng. Chính phủ đã giết tất cả những người có thể bắt được. Sự hủy diệt này là phương pháp duy nhất được phát hiện kể từ khởi nguồn của mọi thời đại để tự vệ chống lại những phiến quân muốn tiêu diệt xã hội đương đại.

Chính phủ chiến thắng, tuy nhiên, cũng thấy cần phải đáp ứng những đòi hỏi hợp pháp của những bộ phận cư dân có tri thức của dân tộc. Một nghị viện đã được thành lập với trách nhiệm soạn thảo các bộ luật và kiểm soát việc chi tiêu.

Lịch sử cuộc Cách mạng Nga cho thấy làm cách nào để một chính phủ, mà mọi sự hậu thuẫn tự nhiên đều tuần tự sụp đổ, đã dùng sự khôn ngoan và những biện pháp cứng rắn để thắng được những trở ngại khủng khiếp. Có người đã nói rất đúng rằng không phải người ta lật đổ các chính phủ, mà chính là các chính phủ đã tự sát.

3. Những cuộc cách mạng được thực hiện bởi các chính phủ. Một số ví dụ: Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ,...

Chính phủ hầu như luôn luôn phải chống trả cách mạng và ít khi tự nó tiến hành cách mạng. Trong khi phản ánh những nhu cầu đương đại và dư luận chung, các chính phủ bước theo những nhà cải cách một cách rụt rè, chứ không đi trước họ.

Tuy nhiên, đôi khi có một số chính phủ đã mưu toan thực hiện những cải cách đột ngột mang tính cách mạng. Sự ổn định hay là sự bất ổn định trong tâm hồn dân tộc là nhân tố giải thích tại sao họ thành công hay thất bại trong những mưu toan ấy.

Họ thành công khi dân tộc mà chính phủ tìm cách áp đặt những thiết chế mới được kết thành từ những bộ lạc bán mông muội, không có luật pháp cố định, không có truyền thống vững chắc, nghĩa là không có hồn cốt dân tộc mang tính văn hiến. Đó là trường hợp của nước Nga thời Pierre Đại đế. Chúng ta đều đã rõ việc ông cố gắng dùng quyền lực để Âu hóa những người Nga dở Âu dở Á.

Nhật Bản là một ví dụ khác của kiểu cách mạng do chính phủ thực hiện, nhưng ở đây cái biến đổi là kỹ thuật, chứ không phải là hồn dân tộc của họ.

Cần phải có một vị vua chuyên chế rất mạnh mẽ, kết hợp trong mình một thiên tài để thực hiện thành công những nhiệm vụ như vậy, hay dù chỉ một phần nhiệm vụ ấy: Thông thường hơn cả, nhà cải cách thấy cả một dân tộc đứng lên trước mắt mình. Trái ngược với những gì xảy ra trong những cuộc cách mạng thông thường, khi đó vị vua chuyên chế giữ vai trò người cải cách, còn dân chúng – người bảo thủ. Chỉ cần quan sát kỹ đôi chút, ta có thể dễ dàng nhận ra rằng các dân tộc bao giờ cũng rất bảo thủ.

Sự thất bại, vả lại, thể hiện quy luật thông thường của những mưu toan này. Dù được thực hiện bởi những giai cấp lớp trên hay những giai tầng lớp dưới của xã hội thì các cuộc cách mạng cũng không làm thay đổi được hồn cốt của một dân tộc từng ổn định lâu dài. Chúng chỉ làm biến đổi những gì đã cũ kỹ theo thời gian và đã sẵn sàng để bị vứt bỏ.

Trung Quốc hiện là một trường hợp rất thú vị về sự bất khả thi đối với một chính phủ muốn đổi mới đột ngột những thể chế của một quốc gia. Cuộc cách mạng lật đổ triều đại của các vị vua Trung Hoa xưa cũ là hệ quả gián tiếp từ sự bất bình của dân chúng gây ra bởi những cải cách mà chính phủ định áp đặt trước đó với mong muốn cải thiện đôi chút cho đất nước. Sự gạt bỏ thuốc phiện và các trò chơi, việc cải cách quân đội, việc thành lập trường học đã kéo theo sự gia tăng thuế khóa, và điều đó cùng với chính những cuộc cải cách đã gây sự khó chịu lớn trong dư luận.

Một vài học giả Trung Quốc được đào tạo trong các trường học châu Âu, đã lợi dụng điều bất mãn này để thúc đẩy nhân dân nổi dậy và tuyên bố thành lập nhà nước cộng hòa mà một người Trung Hoa bình thường không thể có chút khái niệm nào.

Nền cộng hòa này chắc chắn là không thể duy trì được lâu dài, bởi vì xung lực sản sinh ra nó không phải là một vận động của tiến bộ xã hội, mà chỉ là một phong trào phản ứng. Thuật ngữ “cộng hòa” đối với một người Trung Quốc được trau dồi trí thức theo nền giáo dục Âu châu chỉ đơn giản là đồng nghĩa với sự giải thoát khỏi ách của các luật lệ, các quy tắc và mọi sự câu thúc từ hàng trăm năm. Sau khi cắt đi lọn tóc tết, chụp lên đầu mình chiếc mũ lưỡi trai và tuyên bố mình là người Cộng hòa, một người thanh niên trẻ tuổi Trung Quốc nghĩ rằng có thể thả phanh cho mọi bản năng của mình. Vả chăng, điều này có một chút nào đó giống như ý tưởng mà một bộ phận dân chúng Pháp từng chiết xuất ra từ Nền Cộng hòa vào thời điểm của Đại Cách mạng Pháp.

Bản thân Trung Quốc cũng sẽ sớm khám phá ra những gì sẽ xảy đến với một xã hội bị cắt đứt với rường cột từng được xây đắp một cách chậm chạp trong quá khứ. Sau một số năm vô chính phủ đẫm máu, nhà nước này sẽ phải phục hồi một chính quyền mà tính độc tài tất yếu sẽ phải cứng rắn hơn rất nhiều so với chế độ đã bị lật đổ. Khoa học vẫn chưa phát minh ra được cây đũa thần khả dĩ duy trì một xã hội không kỷ luật. Không hề có nhu cầu áp đặt một xã hội như vậy, khi mà nó đã trở thành cha truyền con nối, nhưng một khi đã để cho các bản năng sơ đẳng hủy hoại những rào cản được dựng nên bằng những tích lũy chậm chạp của cha ông, thì nó chỉ có thể được tái tạo bằng một nền độc tài mạnh mẽ hơn.

Chúng tôi có thể dẫn thêm bằng chứng cho những điều quả quyết này bằng một ví dụ tương tự như Trung Quốc lấy từ trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Vài năm trước, một số người trong giới trẻ được đào tạo tại các trường học Âu châu và tràn đầy thiện chí, với sự hỗ trợ của nhiều sĩ quan, đã lật đổ được một ông vua độc tài đến mức dường như không thể chịu nổi. Tiếp thu được lòng tin Latinh vững chắc của chúng ta vào sức mạnh thần kỳ của những công thức, họ đã hình dung thấy khả năng tạo dựng một chính thể đại nghị trong một đất nước bán văn minh và bị chia rẽ sâu sắc bởi hận thù tôn giáo và đa chủng tộc.

Toan tính đó cho đến nay vẫn chưa thành công. Các tác giả của cuộc cải cách đã phải thừa nhận rằng mặc dù họ theo chủ nghĩa tự do, nhưng vẫn buộc phải cai trị đất nước bằng những phương pháp rất giống với những gì của chế độ đã bị lật đổ. Họ đã không thể ngăn chặn cả sự hành quyết giản đơn cũng như những cuộc tàn sát giáo phái Kitô trên quy mô lớn, cũng không sửa được thói tham nhũng.

Sẽ là không công bằng nếu ta khiển trách họ. Thực ra họ đã có thể làm được những gì để chuyển hóa một dân tộc có truyền thống ổn định từ lâu đời, những đam mê tôn giáo cao độ, và là nơi mà thiểu số Hồi giáo lại có tham vọng hợp pháp quản trị bằng luật lệ của họ cái thành phố linh thiêng theo tín ngưỡng của họ? Làm sao có thể ngăn chặn đạo Hồi giữ mãi địa vị quốc giáo trong một đất nước mà luật dân sự và luật pháp tôn giáo còn chưa tách bạch với nhau và là nơi mà đức tin vào kinh Coran là mối liên kết duy nhất giúp duy trì ý tưởng về tổ quốc?

Việc phá bỏ một trật tự như vậy là rất khó khăn và vì vậy chúng ta buộc phải chứng kiến như là một định mệnh sự khôi phục của một tổ chức chuyên chế dường như tương đồng với thể chế lập hiến, nghĩa là đại loại giống như chế độ cũ. Những phác thảo này cho ta một ví dụ khá điển hình về sự bất khả thi, khi những dân tộc buộc phải lựa chọn những thể chế cho mình trước khi thay đổi tâm trí của chính họ.

4. Các yếu tố xã hội vượt qua được những sự thay đổi chính phủ sau những cuộc cách mạng.

Những gì chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau về tính ổn định của hồn cốt quốc gia sẽ giúp hiểu được sức mạnh của những chế độ được thiết lập từ lâu đời, như chế độ quân chủ, chẳng hạn. Một vị vua có thể bị lật đổ dễ dàng bởi những kẻ mưu phản, nhưng chính họ lại không có lực để chống lại những nguyên tắc mà vị vua ấy là hiện thân. Napoleon thất thế lại không được thay bằng người kế vị tự nhiên của mình mà là bởi người kế vị của các vị vua. Người kế vị này là hiện thân của một nguyên tắc xưa, trong khi con trai của Hoàng Đế lại chỉ thể hiện những tư tưởng còn chưa ghi dấu vững chắc trong những tâm hồn.

Chính vì lý do này mà một vị bộ trưởng, cho dù khéo léo đến đâu trong con mắt mọi người, những công trạng đối với đất nước mà ông ta đạt được cho dù lớn đến đâu, thì cũng rất hiếm khi có thể lật đổ đức vua của mình. Chính Bismarck cũng không thể thành công trong việc này. Vị bộ trưởng vĩ đại này đã một mình thống lĩnh được cả nước Đức, vậy mà vị chúa tể của ông ta chỉ cần một cái búng ngón tay đã khiến ông phải biến đi. Một con người không là gì trước một nguyên tắc đã được công luận bảo vệ.

Nhưng kể cả khi vì những lý do khác nhau, nguyên tắc mà một chính phủ là hiện thân đã bị xóa sạch cùng với nó, như đã từng xảy ra vào thời khắc của cuộc Cách mạng Pháp, thì mọi yếu tố tổ chức của xã hội cũng không mất đi cùng một lúc.

Nếu chỉ hiểu biết về nước Pháp qua những sự đảo lộn từ hơn một thế kỷ qua, người ta có thể cho rằng đất nước này đang sống trong một tình trạng vô chính phủ sâu sắc. Vậy mà trong kinh tế, đời sống công nghiệp, thậm chí cả đời sống chính trị, trái lại, luôn thể hiện một sự tiếp nối liên tục dường như độc lập với tất cả những thay đổi và tất cả các thể chế.

Chính là bên lề những sự kiện lớn mà sử học quan tâm còn có những sự kiện nhỏ nhặt của cuộc sống thường nhật mà sách vở bỏ qua, không chắp nối. Chúng bị lấn át bởi những nhu cầu khẩn thiết luôn thúc bách. Trong tổng thể, chúng kết thành cốt lõi của đời sống thực của một dân tộc.

Trong khi việc nghiên cứu các sự kiện lớn cho thấy rằng chính phủ danh nghĩa của nước Pháp thay đổi khá thường xuyên từ hơn một thế kỷ qua, thì việc phân tích các sự kiện nhỏ nhặt hàng ngày lại chứng tỏ điều ngược lại rằng chính phủ thực tế của nó chỉ biến đổi rất ít.

Vậy những ai là người thực sự dẫn dắt một dân tộc? Trong những tình huống trọng đại thì không nghi ngờ gì rằng đó là các ông vua và các vị bộ trưởng, nhưng vai trò của họ thật sự là bằng không trong những thực tiễn nhỏ bé kết thành đời sống mỗi ngày. Các lực lượng dẫn đường thực sự của một nước là các cơ quan chính quyền được cấu thành từ những phần tử không có bản sắc mà các thay đổi về chế độ không bao giờ với tới. Là nhân tố lưu giữ truyền thống, các chính quyền có sự khuyết danh và độ bền lâu và tạo thành một sức mạnh huyền bí mà khi đối diện với nó thì mọi thế lực khác đều phải cúi đầu. Hành tung của nó thậm chí đã đến mức, như chúng tôi sẽ chỉ ra trong công trình này, có thể gây hiểm họa dựng nên một Nhà nước dấu tên, còn mạnh hơn cả Nhà nước chính thức. Do vậy mà nước Pháp đã dần dần rơi vào tình trạng bị điều hành bởi các ông chủ văn phòng và các thày ký. Càng nghiên cứu nhiều hơn về lịch sử của các cuộc cách mạng, người ta càng nhận ra rõ hơn rằng chúng chỉ làm thay đổi chút ít những mặt tiền. Làm cách mạng thì dễ, thay đổi tâm hồn của một dân tộc lại rất khó.

Chương IV. Vai trò của nhân dân trong các cuộc cách mạng

1. Tính ổn định và tính dẻo dai của tâm hồn dân tộc.

Sự hiểu biết về một dân tộc tại một thời điểm nào đó trong lịch sử đòi hỏi những kiến thức về nơi chốn và trước hết là về quá khứ của nó. Về mặt lý thuyết, người ta có thể chối bỏ cái quá khứ ấy, như những người Cách mạng và nhiều kẻ đầu cơ chính trị thời nay đã làm, nhưng ảnh hưởng của quá khứ ấy sẽ mãi là bất diệt.

Trong cái quá khứ được kiến tạo bằng những sự tích tụ chầm chậm và lâu đời đã hình thành nên tổ hợp của những tư tưởng, tình cảm, truyền thống và cả những thành kiến, kết thành tâm hồn dân tộc là cội nguồn sức mạnh của một giống người. Không có nó, không thể có sự tiến bộ. Mỗi thế hệ mới đều sẽ cần đến một sự bắt đầu lại.

Tổ hợp những yếu tố kết thành tâm hồn của một dân tộc chỉ bền chặt trong điều kiện có một độ cố kết nhất định, nhưng độ cố kết ấy không nên vượt quá mức giới hạn mà tại đó tính mềm dẻo không còn tồn tại.

Không có tính cố kết, tâm hồn tổ tiên sẽ không còn bất kỳ tính cố định nào và không có tính mềm dẻo thì nó sẽ không thể thích ứng với những đổi thay của môi trường nảy sinh từ những tiến bộ của nền văn minh.

Sự vượt quá chuẩn về tính mềm dẻo của tâm hồn dân tộc sẽ đẩy dân tộc ấy vào những cuộc cách mạng liên miên. Sự vượt quá chuẩn của tính cố kết sẽ đưa nó đến suy tàn. Các loài sinh vật, cũng như các giống người, sẽ biến mất khi chúng quá ổn định bởi một quá khứ lâu dài, trở nên không có khả năng thích ứng với những điều kiền tồn tại mới.

Có ít dân tộc từng biết cách thực hiện sự cân bằng chuẩn giữa hai phẩm chất đối nghịch này, tức là giữa tính ổn định và tính mềm dẻo linh hoạt. Những người La Mã thời cổ đại và những người Anh thời hiện đại có thể xem như thuộc số những dân tộc đạt được điều đó một cách tốt nhất.

Những dân tộc với tâm hồn quá ổn định thường làm những cuộc cách mạng nhiều bạo lực nhất. Vì không biết cách tiến hóa từ từ và thích nghi với những biến đổi của môi trường, họ đành phải thích ứng với nó theo cách dữ dội, một khi việc thích ứng ấy trở nên cần thiết. .

Sự ổn định chỉ đạt được một cách rất chậm chạp. Lịch sử của một giống người trước hết là câu chuyện thuật lại những cố gắng lâu dài để ổn định tâm hồn của nó. Khi không đạt được điều đó, nó trở thành vô số những kẻ tàn bạo không có sự gắn bó và sức mạnh. Sau những cuộc xâm lược vào cuối thời Đế chế La Mã, nước Pháp đã phải dành ra nhiều thế kỷ để tạo dựng cho mình một tâm hồn dân tộc.

Quốc gia này cuối cùng đã đạt được điều đó, nhưng trong dòng chảy của nhiều thế kỉ, tâm hồn dân tộc này kết cục đã trở nên cố kết quá mức. Nhà nước quân chủ cổ đại, với tính mềm dẻo linh hoạt trội hơn đôi chút, đã tự chuyển đổi một cách chậm chạp, giống như nó đã từng thực hiện ở những nơi khác và, nhờ có cuộc cách mạng và những hệ quả của nó, chúng ta đã tránh được nhiệm vụ nặng nề tái tạo cho mình một tâm hồn dân tộc.

Những nhận định trên đây cho thấy vai trò của giống người trong sự phát sinh ra những đảo lộn và giải thích tại sao cùng một cuộc cách mạng mà lại tạo ra những hiệu ứng khác nhau đến thế đối với những dân tộc khác nhau; chẳng hạn, vì sao những lý tưởng của cuộc Cách mạng Pháp lại được một số dân tộc tiếp nhận với lòng nhiệt tình cao độ, trong khi lại bị một số dân tộc khác tẩy chay.

Không nghi ngờ gì rằng nước Anh, tuy là một quốc gia rất ổn định, đã phải nếm trải hai cuộc cách mạng và giết chết một vị vua, nhưng cái khuôn nền tảng tinh thần của nó vừa khá ổn định để bảo vệ những thành quả của quá khứ, lại cũng khá mềm dẻo để chỉ sửa đổi nó trong những giới hạn cần thiết. Nó không bao giờ nghĩ tới việc phá bỏ di sản của tổ tiên, như những nhà lãnh đạo của Cách mạng Pháp đã làm, nhằm tái tạo một xã hội mới nhân danh lẽ phải.

“Trong khi một người Pháp, A. Sorel viết, coi thường chính phủ của mình, khinh ghét giới tăng lữ, căm thù tầng lớp quý tộc, và nổi loạn chống lại luật pháp, thì một người Anh lại tự hào về tôn giáo của mình, hiến pháp của mình, giới quý tộc của mình và Thượng nghị viện của mình.

Những cái đó cũng giống như biết bao ngọn tháp của ngôi pháo đài tuyệt vời, nơi anh ta từng núp dưới cờ Anh quốc, để phán xét châu Âu và dồn lên nó những lời khinh miệt của mình. Anh ta đã chấp nhận rằng mặc dù ở bên trong pháo đài người ta từng tranh nhau quyền chỉ huy, nhưng hoàn toàn không nên để cho một người ngoài động đến chuyện này.”

Vai trò của giống người trong số phận của các dân tộc cũng còn thấy rõ trong lịch sử những cuộc cách mạng liên miên tại các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nhaà ở châu Mỹ. Được hợp thành từ những người con lai, tức là những cá thể với những tính di truyền khác nhau đã làm phân ly những tính cách của tổ tiên, các dân tộc này không có được tâm hồn dân tộc và do vậy không hề có tính ổn định. Một dân tộc gồm những người lai bao giờ cũng khó có thể cai trị được. Nếu chúng ta muốn làm chính xác thêm những sự khác nhau do chủng người tạo nên về những khả năng chính trị của các dân tộc, thì cần phải nghiên cứu chính dân tộc ấy được cai trị lần lượt bởi hai chủng người khác nhau.

Sự kiện này không hiếm trong lịch sử. Nó mới diễn ra gần đây một cách đáng kinh ngạc tại Cuba và Philippinnes, những nước đã chuyển từ sự đô hộ của Tây Ban Nha sang sự đô hộ của Hoa Kỳ một cách tức thời.

Chúng ta đều biết nước Cuba đã sống nghèo khổ và vô chính phủ đến mức nào dưới thời đô hộ của Tây Ban Nha, nhưng chúng ta cũng biết hòn đảo này đã thịnh vượng đến mức nào chỉ sau mấy năm rơi vào tay Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Trải nghiệm tương tự cũng thấy qua ví dụ Philippines, một quốc gia bị Tây Ban Nha thống trị suốt nhiều thế kỷ. Đất nước này cuối cùng đã quyết định chấm dứt hoàn toàn cảnh sống như một đầm lầy rộng lớn, cái nôi của những dịch bệnh đủ loại, trong đó người dân sống lay lắt nghèo khổ, không có thương mại và công nghiệp. Chỉ sau mấy năm thống trị của Hoa Kỳ, xứ sở này đã hoàn toàn thay đổi, nạn sốt rét, sốt vàng, bệnh dịch hạch, dịch tả đã biến mất. Những đầm lầy đã được tháo khô; lãnh thổ đã được phủ một mạng đường sắt, nhà máy và trường học. Trong vòng 13 năm, tỉ lệ người chết đã giảm được hai phần ba

Chính những ví dụ này cần phải được đưa đến cho các nhà lý luận còn chưa hiểu được nội hàm sâu xa của chữ chủng tộc, giống người, và tâm hồn tổ tiên của một dân tộc chi phối số phận của dân tộc ấy đến mức nào.

2. Nhân dân hiểu cách mạng như thế nào.

Vai trò của nhân dân đã không thay đổi trong mọi cuộc cách mạng. Không bao giờ tự nó nghĩ ra và cũng không tự nó điều khiển. Hành động của nó là do các nhà lãnh đạo kích động nên.

Chỉ khi nào những lợi ích trực tiếp của nhân dân bị xâm hại, người ta mới thấy, như mới đây ở vùng Champagne, một bộ phận nhân dân nổi dậy một cách tự phát. Một phong trào mang tính khu trú như vậy chỉ đơn thuần là một cuộc nổi loạn.

Cách mạng sẽ dễ dàng khi các lãnh tụ của nó có ảnh hưởng lớn. Các nước Bồ Đào Nha và Brasil mới đây là những bằng chứng về điều đó. Nhưng các lý tưởng mới chỉ thâm nhập được vào nhân dân với một mức chậm đến cực độ. Nhìn chung, họ chấp nhận một cuộc cách mạng mà không cần biết là vì sao, và khi ngẫu nhiên họ hiểu được cái vì sao ấy thì cuộc cách mạng đã kết thúc từ lâu rồi.

Nhân dân làm cách mạng là vì người ta đẩy họ vào cuộc, mà không hiểu được gì nhiều về những tư tưởng của các lãnh tụ cách mạng. Nhân dân lý giải những điều đó theo cách của mình và cách ấy lại hoàn toàn không phải là cách của những tác giả đích thực của phong trào. Về điều này, cuộc Cách mạng Pháp cung cấp một ví dụ gây ấn tượng mạnh.